

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.ethongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 268 - Năm thứ 25 - Tháng 04-2012

Xã luận

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : info@ethongluan.org

Mua báo : Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

Sự nhắm nhĩ nào lớn hơn ?

Chính quyền cộng sản Việt Nam sắp xử án ba bloggers Nguyễn Văn Hải tức Điều Cày, Phan Thanh Hải tức Anh Ba Sài Gòn và cô Tạ Phong Tần về tội "tuyên truyền chống nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam", chiều theo điều 88 bộ "luật" hình sự.

Đó là những gì người ta được biết qua báo chí nhà nước. Một số tờ báo còn đăng phóng ảnh các bản cáo trạng đối với ba người mà các luật sư cũng như các gia đình đều không có được dù đã yêu cầu được cung cấp. Chỉ riêng một sự kiện này cũng đủ chứng tỏ pháp luật của "nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" nhắm nhĩ tới mức độ nào. Chưa hết, qua một tiếp xúc, sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn được thông báo là phiên tòa xét xử họ sẽ diễn ra ngày 17-04-2012 nhưng các luật sư và các gia đình đều không biết gì cả.

Đây không phải là lần đầu tiên mà những người phát biểu ý kiến một cách ôn hòa bị đem ra xét xử và kết án. Rất nhiều, quá nhiều người đã là nạn nhân của điều luật 88 này. Danh sách họ dài đến độ không thể liệt kê hết trong một bài xã luận. Nhưng lần này vụ án diễn ra trong những điều kiện đặc biệt nhắm nhĩ trong một bối cảnh đặc biệt ý nghĩa.

Ngày 01-04-2012, Liên Minh Dân Chủ của bà Aung San Suu Kyi giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc bầu cử quốc hội, đánh dấu một bước ngoặt quyết định về dân chủ tại Miến Điện. Do bị đàn áp thô bạo trong hơn hai mươi năm, Liên Minh Dân Chủ Miến Điện đã chỉ có thể đưa ra 44 ứng cử viên trong số 45 đơn vị có tổ chức bầu cử nhưng họ đã giành được 43 ghế. Một thắng lợi như vậy có ý nghĩa của một cuộc trưng cầu dân ý với kết quả hùng hồn là tuyệt đại đa số nhân dân Miến Điện bác bỏ chế độ độc tài quân phiệt và chọn dân chủ. Nó cũng là một vinh quang cho tập đoàn tướng lãnh cầm quyền. Họ đã có can đảm công khai nhìn nhận một nguyện vọng của nhân dân bất lợi cho họ. Biền cố càng có ý nghĩa vì mới cách đây không lâu chính quyền Miến Điện còn được coi là chính quyền độc tài hắc ám nhất Đông Nam Á.

Cùng ngày, 70 nước - gồm Mỹ, các nước Châu Âu, các nước thuộc khối Ả Rập, và nhiều nước Châu Á và Châu phi khác - đã họp tại Istanbul, Turkey, tuyên bố nhìn nhận lực lượng chống chế độ độc tài Al-Assad là đại diện chân chính của nhân dân Syria. Tuyên bố này đặt nền tảng cho những hỗ trợ công khai cho lực lượng nổi dậy đòi dân chủ và có ý nghĩa của một tuyên chiến đối với Nga và Trung Quốc, hai nước bảo trợ chế độ hung bạo Al-Assad. Ngày 14-04-2012 Nga và Trung Quốc nhượng bộ, biểu quyết thuận để Liên Hiệp Quốc gửi những quan sát viên tới giám sát, cam kết chấm dứt dùng bạo lực tàn sát những người biểu tình đòi dân chủ. Biểu quyết này tương đương với bản án tử hình dành cho chế độ Al-Assad vì nó chỉ có thể tồn tại dựa trên bạo lực.

Trong bối cảnh đó một sự sáng suốt tối thiểu cũng đủ khiến chính quyền cộng sản Việt Nam hiểu rằng phải chuyển hướng về dân chủ thay vì tiếp tục đàn áp. Tuy nhiên ban lãnh đạo cộng sản đã ngoan cố tiếp tục sử dụng điều 88 để đàn áp, và lần này sự thô bạo đi đôi với sự tùy tiện nhắm nhĩ.

Điều 88 viết như sau :

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây, nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm :

- a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân ;
- b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt gây hoang mang trong nhân dân ;
- c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm.

Không cần biện luận nhiều. Nó vừa thô bạo vừa ngu ngốc. Thế nào chống, là tuyên truyền, phỉ báng ? Thế nào là "có nội dung chống" ? Thế nào là "trường hợp đặc biệt nghiêm trọng" ? Nó chỉ là luật của kẻ có súng. Nó không phải là luật vì, như Socrates đã nói cách đây 25 thế kỷ trước, luật gian trá không phải là luật.

Trong trường hợp cụ thể của ba người thuộc Câu Lạc Bộ Nhà Báo Tự Do sắp bị đem xét xử, chính quyền cộng sản luận tội như sau : [...] hầu hết những bài viết đều chứa nội dung, giá trị của sự phê phán trong tinh thần không phải để xây dựng, hoặc cao hơn là lên án, kết án nhằm hướng tới sự cổ động, kích động công luận tham gia đấu tranh thay đổi sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, thay đổi chế độ chính trị, nhà nước hiện tại nhằm xây dựng một chế độ khác, nhà nước khác...

Chỉ có thể thôi nhưng họ bị coi là đã "phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng". Sự nhắm nhĩ đã vượt mọi giới hạn.

Nhưng còn có một sự nhắm nhĩ khác. Điều 88 nhắm bóp nghẹt quyền tự do phát biểu, nghĩa là nó nhắm đàn áp trí thức. Đáng lẽ trí thức Việt Nam, đối tượng bị đàn áp, phải phản ứng rất mạnh mẽ. Thực tế là tuyệt đại đa số đã chọn cúi đầu im lặng.

Lần này, khi sự đàn áp diễn ra một cách cực kỳ thô bỉ trong một bối cảnh đặc biệt thuận lợi cho dân chủ liệu họ có còn tiếp tục cúi đầu im lặng nữa không ? Nếu như thế thì giữa sự nhắm nhĩ hung bạo của chính quyền cộng sản và sự nhắm nhĩ hèn nhát của trí thức Việt Nam người ta khó có thể nói sự nhắm nhĩ nào lớn hơn.

Thông Luận

Tham luận

Trước một hiểm họa quá lớn

Nguyễn Gia Kiểng

Tôi không phải là một chuyên gia về năng lượng hạt nhân, dù hoàn cảnh đã khiến tôi tiếp xúc khá lâu, khá sát và đều đặn với nó.

Lúc còn là sinh viên, tôi đã hai lần thực tập tại Trung Tâm Nghiên Cứu Nguyên Tử (Centre d'Etude Nucléaire) của Pháp, lần thứ hai để hoàn tất luận án tốt nghiệp. Năm 1982, ngay khi trở lại Pháp, tôi được nhận vào làm tham vấn tại Công Ty Nguyên Tử Pháp Mỹ (Compagnie Franco-Américaine de l'Atome, FRAMATOME, bây giờ là AREVA). Sau này, và cho đến khi về hưu, công ty AREVA và Trung Tâm Quốc Gia Năng Lượng Hạt Nhân (Centre National d'Energie Nucléaire – CNEN), hai cơ quan xây dựng và điều hành các nhà máy điện nguyên tử của Pháp và cũng xây dựng nhiều nhà máy điện nguyên tử cho nhiều quốc gia trên khắp thế giới kể cả Trung Quốc và Hàn Quốc, là hai khách hàng chính của những công ty tham vấn mà tôi điều khiển. Như thế tôi không phải là người chống điện hạt nhân trên nguyên tắc.

Tôi coi chấp nhận hoặc từ chối điện nguyên tử là một chọn lựa tùy lúc và tùy trường hợp của từng nước. Cũng cần phải nói ngay rằng vấn đề điện hạt nhân đối với chúng ta trong lúc này không còn là một vấn đề chuyên môn mà là một vấn đề chính trị, và một vấn đề chính trị rất nghiêm trọng trên đó mọi người đều có thể và phải có ý kiến.

Công việc của tôi trong hơn hai mươi năm làm việc với các cơ quan này không phải là kỹ thuật nguyên tử mà là quản trị và tin học, tuy vậy nó cũng đã bắt buộc tôi phải trao đổi thường xuyên với những người trách nhiệm mọi mặt về việc xây dựng và điều hành một nhà máy điện hạt nhân. Điều tôi biết được qua những trao đổi này là, đối với một nhà máy điện hạt nhân an ninh là tất cả, những hiểu biết về vật lý hạt nhân chỉ có một tầm quan trọng rất thứ yếu. Một thí dụ cụ thể là dự án tin học theo dõi một nhà máy điện hạt nhân, mà tôi từng là dự án trưởng, đã phải huy động hơn một trăm kỹ sư tin học, phân tích viên và lập trình viên trong hơn hai năm để thực hiện. Nhiều người coi nó như một con quái vật không lồ. Nhưng sở dĩ nó phức tạp như thế là vì những dữ kiện về an ninh ; chúng chiếm 90% cơ sở dữ kiện và liên hệ trùng chéo với nhau.

Vấn đề an toàn trong một nhà máy điện nguyên tử khác hẳn với khái niệm thông thường về sự an toàn. Một chiếc xe hơi được coi là an toàn nếu xác suất để xảy ra một sự cố là một phần mười trong một năm. Đối với một nhà máy điện nguyên tử, một xác suất tai nạn một phần ngàn là điều gồm ghiếc không thể tưởng tượng nổi. Lý do là vì những hậu quả của một tai nạn hạt nhân có thể rất khủng khiếp, vượt mọi tưởng tượng ; nó có thể làm chết rất nhiều người, hủy hoại môi trường trong một thời gian rất lâu và để lại những di hại thể xác cũng như tinh thần cho nhiều thế hệ.

Một thí dụ là vụ nổ nhà máy điện nguyên tử Chernobyl ở Ukraine. Nhà máy này được thiết lập ở một vùng rất ít dân cư, nhưng tai nạn đã khiến hơn 4.000 người bị ung thư, trong đó phần lớn đã chết. Đó là chưa kể số nạn nhân ở những nước lân cận. Người ta đã phải tàn cư trên 100.000 người khỏi một khu vực 30 km chung quanh nhà máy. Nếu kể cả những người phải di tản ở các nước láng giềng thì con số người phải di tản vượt quá 250.000. Cho tới nay, 26 năm sau tai nạn, mức phóng xạ vẫn cao gấp 30 lần mức độ chấp nhận được. Hãy tưởng tượng nếu một tai nạn tương tự xảy ra tại một nước dân cư chen chúc như Việt Nam.

Đặc tính của những tai nạn tại các nhà máy điện hạt nhân là chúng đều không ngờ. Fukushima nhắc lại cho thế giới thêm một lần

nữa bài học khiêm tốn : chúng ta không bao giờ có thể tiên liệu được hết những nguyên nhân đưa đến tai nạn.

Nhật là nước nhiều kinh nghiệm nhất về động đất và sóng thần đồng thời cũng là nước đứng hàng đầu thế giới về sự chính xác. Tuy vậy, nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi đã chỉ được xây dựng để chịu đựng một ngọn sóng cao 6m, trong khi ngọn sóng tháng 3 năm 2011 đã cao 15m tại khu vực nhà máy và gần 30m tại một số địa điểm khác. Các lò phản ứng theo nhau phát nổ và mức độ trầm trọng được đánh giá lại liên tục, sau cùng là mức độ 7, nghĩa là tối đa. Hậu quả của tai nạn nguyên tử Fukushima vẫn chưa thể thẩm định được. Điều chắc chắn là thảm kịch sẽ nhiều lần lớn hơn, thậm chí rất kinh khủng, nếu người Nhật không chứng tỏ một khả năng tổ chức, một tinh thần kỷ luật và một sự dũng cảm buộc cả thế giới phải ngưỡng mộ, hay nếu họ không có những phương tiện cấp cứu của một nước giàu có bậc nhất thế giới.

Hãy thử tưởng tượng nếu, vì bất cứ lý do gì, một tai nạn tương tự xảy ra tại Việt Nam. Các tỉnh bờ biển của chúng ta đều chen chúc hơn vùng Fukushima, chúng ta không có những phương tiện của người Nhật và cũng thua xa họ về kỷ luật và tinh thần trách nhiệm.

Xác suất rủi ro xảy ra tai nạn quan trọng hiện nay được ước tính chung quanh mức độ 5/100.000 mỗi năm cho một lò điện nguyên tử. Xác suất này được coi là quá lớn, vì thế hầu hết các quốc gia đều

quyết định không dùng điện hạt nhân, số ít các quốc gia chấp nhận điện hạt nhân đều chỉ đi những bước rón rén.

Ấn Độ và Trung Quốc là hai quốc gia ít quan tâm đến môi trường nhưng họ cũng đều rất dè dặt đối với điện hạt nhân. Cả hai đều đã bắt đầu kỹ thuật hạt nhân từ hơn một nửa thế kỷ nay và đều có đội ngũ kỹ thuật nguyên tử hùng hậu, nhưng tới nay tỷ lệ điện hạt nhân của họ chỉ ở mức độ 2% tổng số điện sản xuất. Ấn Độ đã bắt đầu xây nhà máy điện hạt nhân từ 1965 nhưng đến nay chỉ mới dám xây những lò phản ứng nhỏ, hai lò phản ứng công suất 500 Mwe và 18 lò công suất 200 MWe. Trung Quốc trong những năm gần đây tỏ ra muốn đẩy mạnh năng lượng hạt nhân, nhưng trong hai mươi năm nữa tỷ lệ điện hạt nhân của họ cũng sẽ không vượt quá 5%.

Sau tai nạn Fukushima, tất cả các nước phát triển có kỹ thuật hạt nhân cao và hầu hết mọi quốc gia trên thế giới, kể cả Ấn Độ và Trung Quốc, đều đình chỉ các chương trình xây dựng lò điện nguyên tử, nhiều nước tuyên bố bỏ hẳn. Áo bỏ một nhà máy điện nguyên tử đã xây dựng xong và sẵn sàng đi vào hoạt động. Ba Lan, Ireland và Philippines bỏ ngang những nhà máy đang xây dựng dở dang. Riêng Úc, nước có trữ lượng uranium lớn nhất thế giới, từ trước vẫn quá quyết tâm chống điện hạt nhân.

Trong bối cảnh đó quyết định nhảy vào điện nguyên tử của chính quyền Việt Nam thật là không hiểu nổi, nhất là Việt Nam chưa có kỹ thuật và đội ngũ chuyên viên nguyên tử (Viện Nghiên Cứu Hạt Nhân Đà Lạt còn quá sơ sài, các cơ quan khác còn ít thực chất hơn). Đã thế còn nhảy vào một cách liều mạng.

Năm 2008 chính quyền Việt Nam tuyên bố quyết định xây dựng hai nhà máy điện nguyên tử tại Ninh Thuận, mỗi nhà máy gồm hai lò phản ứng với công suất 1000 MWe, dự trù đi vào hoạt động năm 2020. Quyết định này khiến người ta phải sửng sốt. Như vậy là Việt



Nam vào năm 2020 sẽ có một tỷ lệ điện nguyên tử lớn hơn hẳn Ấn Độ và Trung Quốc. Thời gian từ đây đến đó chắc chắn là không đủ để đào tạo ra những chuyên viên đủ khả năng để điều hành các nhà máy.

Như để tranh thủ thời gian công thức được chọn lựa là công thức "chìa khóa trao tay", có nghĩa các nhà máy sẽ hoàn toàn do các công ty nước ngoài xây dựng, Việt Nam chỉ tiếp thu để sử dụng khi nhà máy đã hoàn tất. Đây là công thức mà cho tới nay chưa nước nào chấp nhận vì hầu như không có chuyển giao kỹ thuật và lại rất nguy hiểm. Vấn đề an ninh của các nhà máy điện nguyên tử vừa quá nghiêm trọng lại vừa quá phức tạp nên phải tham gia chặt chẽ ngay từ đầu vào việc xây dựng nhà máy để hiểu rõ cấu trúc và cách điều hành.

Cho tới nay phần lớn các sự cố xảy ra tại các nhà máy điện hạt nhân là do lỗi của các nhân viên điều hành. Ngay cả nếu quyết tâm chọn năng lượng hạt nhân thì cũng không thể hành động một cách quá phiêu lưu. Giải pháp đúng đắn trong trường hợp đó là bắt đầu xây một lò phản ứng thí nghiệm và tham gia từ đầu tới cuối tiến trình xây dựng để hiểu rõ từng bộ phận của nhà máy; chỉ sau khi đã thực sự làm chủ được kỹ thuật điện nguyên tử và đào tạo xong một đội ngũ chuyên viên vững chắc mới xây tiếp các lò phản ứng khác. Và đằng nào cũng phải tiến hành một cách rất chậm chạp và thận trọng vì tai nạn nguyên tử quá khủng khiếp. An ninh của các lò điện nguyên tử là điều mỗi nước phải lo lấy chứ không thể giao tính mạng của đất nước mình cho những công ty nước ngoài.

Quyết định của chính quyền cộng sản không đi kèm với một lời giải thích kỹ thuật nào, bởi vì nó không phải là kết quả của một nghiên cứu nghiêm chỉnh mà chỉ là quyết định tùy tiện của những người cầm quyền hoàn toàn không biết gì về kỹ thuật hạt nhân.

Quyết định này càng gây sự sốt vì công ty được chọn để xây nhà máy điện nguyên tử đầu tiên cho Việt Nam là công ty ROSATOM của Nga. Có đầy rẫy tài liệu chứng minh Nga là nước cầu thả nhất về mặt an ninh trong những nước xây dựng lò điện nguyên tử. Hơn nữa, công ty ROSATOM lại bị mang tai tiếng là đã gian lận về phẩm chất vật liệu xây dựng, một điều không thể tưởng tượng nổi cho một lò điện nguyên tử. Ai có thể không hoảng sợ khi nghĩ rằng nhà máy điện nguyên tử đầu tiên của Việt Nam sẽ được xây dựng bởi một công ty làm ăn gian trá của một nước nổi tiếng là cầu thả và được trao cho những người Việt Nam mới tập sự điều khiển?

Nhất là cũng phải nhìn nhận một sự thực đau lòng là với sự xuống cấp của đạo đức không phải người Việt Nam nào cũng có tinh thần trách nhiệm cao. Một ông thứ trưởng tuyên bố thân nhiên: "đã xây một lò điện nguyên tử tại sao không xây luôn bốn lò cho tiện". Hình như các cấp lãnh đạo cộng sản không ý thức rằng nguyên tử là vũ khí giết người hàng loạt, giết cả những người hôm nay lẫn những người chưa sinh ra, thậm chí có thể xóa bỏ một quốc gia.

Nhiều người có thẩm quyền chuyên môn, như các giáo sư Phạm Duy Hiến, Trần Sơn Lâm và Nguyễn Khắc Nhẫn, đã lên tiếng ngay sau đó. Có vị dứt khoát bác bỏ điện hạt nhân, có vị cho rằng chỉ nên xây một lò phản ứng để học hỏi và đào tạo trước đã. Như để hỗ trợ cho những tiếng nói cảnh giác này, tai họa Fukushima đã xảy ra làm chấn động cả thế giới. Ai không nghĩ rằng nhà cầm quyền Việt Nam sẽ nghĩ lại?

Và quả thực họ đã xét lại, nhưng một cách không ai ngờ được. Ngay trong dịp kỷ niệm một năm thảm kịch Fukushima, họ công bố quyết định xây thêm mười lò điện khác, dự trù hoàn tất và đi vào hoạt động trước năm 2030, nghĩa là tổng cộng 14 lò thay vì 4 lò!

Khi một người bạn, chuyên gia về điện hạt nhân, hốt hoảng thông báo tin này tôi không dám tin. Nó giống như tin một trái bom nguyên

tử vừa nổ. Nó buộc chúng ta tự hỏi chúng ta đã ý thức đầy đủ những bất buộc của kỷ nguyên trí thức chưa? Trí thức trong thế giới ngày nay chủ yếu là trí thức khoa học kỹ thuật; không thể chấp nhận những người lãnh đạo thiếu văn hóa, nhất là văn hóa khoa học.

Xác suất 5/100.000 cho một tai nạn nghiêm trọng trong một năm tại mỗi lò phản ứng chỉ là một xác suất trung bình. Đối với một nước thiếu phương tiện và kỹ năng như Việt Nam, nó cao hơn nhiều. Với bốn lò phản ứng, nó cao một cách đáng sợ. Với 14 lò một tai nạn tầm cỡ Chernobyl hay Fukushima là một đe dọa thường trực và nếu xảy ra hậu quả sẽ rất khủng khiếp, Việt Nam có thể sẽ không còn là Việt Nam nữa. Cũng phải hiểu là một sự cố nhỏ có thể khắc phục nhanh chóng tại một nước như Nhật và Pháp cũng có nguy cơ trở thành một tai nạn lớn tại một nước như Việt Nam.

Nhưng cứ giả thử chúng ta sẽ rất may mắn, phải nhấn mạnh là rất may mắn, không bị tai nạn thì hậu quả cũng rất nặng nề.

Trước hết Việt Nam sẽ là một đất nước không an toàn. Mọi người đều phập phồng lo sợ không biết lúc nào thảm kịch sẽ đến. Những người có thể rời bỏ Việt Nam để đi sống ở một nước khác sẽ ra đi. Việt Nam sẽ không có tương lai bởi vì không thể xây dựng một quốc gia với những người chỉ ở lại vì không thể đi sang một nước khác.

Một tiềm năng kinh tế lớn của Việt Nam sẽ bị thiệt hại nặng. Với một bờ biển dài và những bãi biển đẹp trong một khí hậu nhiệt đới, chúng ta có thể hy vọng trong trung hạn thu hút vài chục triệu du khách mỗi năm, tạo hàng triệu công ăn việc làm trong ngành du lịch và những ngành liên hệ. Khả năng này sẽ gần như mất hẳn với 14 lò phản ứng nguyên tử rải rác khắp nước. Đúng hay sai, tâm lý chung là người ta không muốn nghỉ hè bên

cạnh các lò điện nguyên tử.

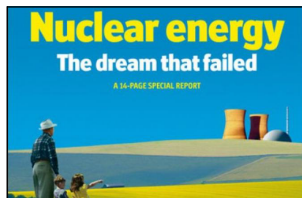
Thủy sản của Việt Nam cũng sẽ bị đe dọa. Có một thành kiến là các nước chậm tiến không coi trọng an ninh môi trường và không có gì bảo đảm là nước không bị nhiễm xạ. Đúng hay sai người ta sẽ sợ tôm cá Việt Nam.

Một điều quan trọng cũng cần được ý thức là, chúng ta sẽ không còn khả năng đương đầu với một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm qui mô. Đối phương chỉ cần oanh tạc các lò điện nguyên tử.

Một người bạn tôi, bác sĩ chuyên khoa về dưỡng lão, có lần nói rằng Việt Nam nên nghiên cứu khả năng mở những nhà săn sóc người cao tuổi. Anh ta nói tại Mỹ và Châu Âu, chi phí trung bình để săn sóc một người cao tuổi có bảo hiểm sức khỏe là 50.000 USD mỗi năm. Chúng ta có thể săn sóc họ một cách chu đáo và tiện nghi hơn với chi phí chỉ bằng một nửa. Chúng ta sẽ thu hút được rất nhiều khách, cả những người già lẫn những người chưa thực là già nhưng muốn được phục vụ để khỏi phải bận bịu với những việc hàng ngày như cơm nước, giặt ủi, di chuyển. Đó là một thí dụ. Những khả năng như vậy sẽ mất đi nếu nước ta đẩy những lò điện nguyên tử.

Nhưng tại sao chọn điện hạt nhân?

Trái với một lập luận thường gặp, điện hạt nhân không phải là một chọn lựa bắt buộc hướng về tương lai. Tỷ lệ điện hạt nhân trên thế giới chỉ mới sấp xỉ 14% tổng số năng lượng điện (và 3% tổng số năng lượng gộp). Những tỷ lệ này sẽ tiếp tục giảm đi vì khuynh hướng chung của thế giới là từ bỏ điện hạt nhân. Lập luận chính biện hộ cho điện nguyên tử là phải tìm một giải pháp thay thế cho khối dự trữ năng lượng mỏ (than, dầu, khí) đang chiếm 80% năng lượng gộp và đang cạn dần. Lập luận này ngày càng thiếu thuyết phục vì muốn như thế phải nhân lên hơn 25 lần số lò phản ứng hiện nay, một con số khiến người ta phải kinh hoàng sau những tai nạn đã xảy ra. Và đằng nào



cũng không thực hiện được bởi vì, trái với sự lạc quan lúc ban đầu, khối lượng uranium cũng rất giới hạn và ngày càng đắt. Thế giới ngày càng tiến tới đồng thuận là phải tiết kiệm năng lượng song song với việc tận dụng những nguồn *năng lượng có mãi* (renewable energy, thường được dịch sang tiếng Việt là năng lượng tái tạo) như gió, nắng, thủy triều, các dòng sông v.v.

Cũng đừng quên là năng lượng nguyên tử vẫn còn là một hồ hên sai với tương lai. Trong vấn đề an ninh của các nhà máy điện nguyên tử, không phải chỉ có cố gắng tránh tai nạn mà còn một vấn đề nghiêm trọng không kém là xử lý phế liệu. Trong những thập niên 1950 và 1960, khi chương trình điện nguyên tử được đưa ra người ta tin chắc như đinh đóng cột là một ngày không xa sẽ tìm được cách xử lý ổn thỏa phế liệu nguyên tử. Đến nay, sau hơn một nửa thế kỷ, phương thức vẫn chưa tìm được và giải pháp vẫn chỉ là bọc lại và đem chôn và... chờ đợi vài ngàn năm cho đến khi phóng xạ xuống tới mức chấp nhận được. Đất nước ta chật hẹp như vậy, chúng ta sẽ chôn phế liệu nguyên tử ở đâu và chuyên chở như thế nào cho an toàn ?

Như đã nói ở phần trên tôi, không chống điện nguyên tử trên nguyên tắc. Điện nguyên tử vẫn là một nguồn trong nhiều nguồn năng lượng, dù chỉ nên quan niệm ở một tỷ lệ khiêm tốn. Điện hạt nhân rẻ và sạch *nếu* không xảy ra tai nạn. Dù chữ "nếu" này quá lớn, nhiều người vẫn nghĩ rằng chấp nhận hay không chấp nhận có điện hạt nhân tùy thuộc điều kiện của từng nước.

Chúng ta là một nước đất hẹp người đông không thích hợp với điện nguyên tử. Chúng ta lại chưa có kỹ năng và nhân lực hạt nhân trong khi an ninh nguyên tử là một vấn đề các quốc gia phải đảm nhiệm lấy chứ không thể giao phó sự sống còn của đất nước cho những công ty nước ngoài. Xây lò điện nguyên tử vì vậy chỉ có thể khởi sự khi chúng ta đã đủ kỹ năng và nhân lực hạt nhân, điều mà chúng ta hầu như chưa có. Hơn nữa, chúng ta có nhiều gió và nắng, *tiềm năng năng lượng của chúng ta chủ yếu là năng lượng có mãi*. Sau cùng, ngay cả nếu chúng ta không loại bỏ hẳn điện hạt nhân thì cũng chưa phải là lúc để xây bốn lò điện nguyên tử, chưa nói 14 lò, một quyết định điên khùng vượt mọi tưởng tượng.

Còn một vấn đề nghiêm trọng khác. Thế giới đang từ giã điện hạt nhân. Các công ty xây dựng nhà máy điện hạt nhân ngày càng gặp khó khăn lớn vì không còn thị trường. Công ty AREVA của Pháp chẳng hạn đã bắt đầu chuyển sang sản xuất những thiết bị cho năng lượng gió. Và nếu những công ty xây dựng nhà máy điện nguyên tử cho chúng ta phá sản, một điều rất có thể xảy ra, chúng ta sẽ rơi vào một tình trạng hết sức nguy kịch.

Nhưng tại sao chính quyền cộng sản Việt Nam lại lấy quyết định như thế ?

Đây không phải là một tranh luận kỹ thuật. Họ thừa biết rằng xây 14 lò phản ứng là một quyết định rất bất lợi và nguy hiểm cho đất nước. Nhưng tại sao họ lấy quyết định này ? Giả thuyết hợp lý nhất là họ đã nhượng bộ những áp lực tài chính của các chủ nợ. Chính quyền cộng sản lấy quyết định liều lĩnh vì họ che giấu thực trạng bị đất của kinh tế Việt Nam.

Một chỉ số đo lường mức độ lệ thuộc bên ngoài của một nền kinh tế là tỷ lệ tổng số ngoại thương trên tổng sản lượng quốc gia. Trung bình thế giới hiện nay là 50%, nghĩa là trong một quốc gia tổng số ngoại thương (xuất khẩu cộng với nhập khẩu) bằng khoảng 50% GDP là bình thường. Trong trường hợp Hoa Kỳ tỷ lệ này chỉ là 25%, Trung Quốc 52%. Tại Đức tỷ lệ này là 75%, tại Hàn Quốc 92%, nhưng Đức và Hàn Quốc là hai nước có nền kinh tế hướng ngoại nhất thế giới.

Nhật (27%) là một trường hợp đặc biệt, vì các công ty lớn của Nhật sản xuất một phần quan trọng hàng hóa ngay tại nước ngoài. Các nước mới phát triển tại Châu Á dĩ nhiên lệ thuộc rất nhiều vào ngoại thương ; tỷ lệ của Thái Lan là 120%, của Mã Lai là 148%. Nói chung các nước trao đổi nhiều với thế giới bên ngoài đều xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu.

Kinh tế Việt Nam bệnh hoạn hơn hẳn người ta tưởng. Tổng số ngoại thương của Việt Nam bằng 167% GDP. Điều này tự nó đã có nghĩa là chúng ta là một trong những nước lệ thuộc nhất vào các nước ngoài về mặt kinh tế, nhưng sự thực còn đáng lo ngại hơn vì cán cân ngoại thương của chúng ta thâm thủng kinh niên. Chúng ta nhập khẩu nhiều hơn hẳn xuất khẩu từ hơn 25 năm qua. Từ 5 năm qua, khi chính quyền nói rằng kinh tế đã có tiền bộ, Việt Nam liên tục nhập siêu khoảng 13 tỷ USD mỗi năm, năm 2008 nhập siêu 18 tỷ, những năm trước có còn tệ hơn. Như vậy con số nợ công (phần lớn là nợ nước ngoài) 56 tỷ USD, hay 51% GDP, phải được coi là rất xa sự thực. Thâm thủng mậu dịch sớm muộn cũng biến thành nợ nước ngoài. Phần lớn là nợ do các công ty vay, hoặc mua chịu nhưng phần lớn các công ty này là của nhà nước và khoản nợ nước ngoài của họ đều do nhà nước bảo lãnh cho nên khi một công ty, như tổ hợp Vinashin, không trả được nợ thì nợ của họ cũng biến thành nợ công. Như vậy chắc chắn là số nợ của Việt Nam nước ngoài phải rất cao, có thể hơn 200 tỷ USD, và nhiều khoản đã đáo hạn, thậm chí đã khất nhiều lần. Nếu các chủ nợ nhất định đòi thì chính



quyền Việt Nam phải tuyên bố không còn khả năng hoàn trả, nghĩa là phá sản, và chính quyền có thể sụp đổ. Chính quyền cộng sản Việt Nam vì vậy phải chấp nhận ngay cả những đòi hỏi, hoặc "gợi ý", nguy hiểm cho đất nước để có thể che dấu thực trạng phá sản.

Trở lại với quyết định xây dựng 14 lò điện nguyên tử. Từ sau Fukushima, mọi nước đều quyết định ngừng hoặc bỏ hẳn các dự án. Các công ty xây dựng nhà máy điện nguyên tử vì vậy đều ở trong tình trạng nguy ngập. Họ không còn công việc nữa và cần một thời gian để thích nghi với tình hình mới. Các chính quyền nước họ cũng sợ những biến động xã hội nếu các công ty này phải sa thải công nhân hàng loạt ngay lập tức. Trong những điều kiện đó, không có gì đáng ngạc nhiên nếu các chính quyền nước ngoài và các công ty xây dựng nhà máy điện hạt nhân của họ làm áp lực để Việt Nam chấp nhận xây những lò điện nguyên tử, nghĩa là cho họ những bầu dưỡng khí. Và chính quyền cộng sản Việt Nam đã phải nhượng bộ để tự cứu mình.

Nếu giả thuyết này đúng, và nó chỉ có thể đúng thôi vì không thể có giải thích nào khác cho quyết định quá sức nguy hại này, thì đây là một lần nữa Đảng Cộng Sản Việt Nam đặt sự sống còn của chế độ lên trên sự sống còn của đất nước. Chỉ khác một điều là lần này đất nước có nguy cơ bị hủy diệt, hoặc tàn lụi một cách không đảo ngược được. Vấn đề còn nghiêm trọng hơn nhiều so với ải Nam Quan, thác Bản Giốc, Hoàng Sa, Trường Sa, Bôxít Tây Nguyên. Chúng ta không có quyền thụ động. Chúng ta phải phản ứng và phải phản ứng thật mạnh mẽ và quyết liệt.

Có thể là chính quyền cộng sản cũng mong có một làn sóng phản kháng dữ dội để có cơ tri hoãn với các chủ nợ. Mặt khác, cũng chưa quá trễ để phản ứng. Các lò điện chưa bắt đầu xây, phần lớn chỉ khởi sự trong vài năm nữa. Chúng ta còn thời giờ.

Điện hạt nhân là một vấn đề mang nhiều tính khoa học kỹ thuật mà quần chúng có thể không hiểu, do đó trách nhiệm chính trong cuộc đấu tranh này thuộc về trí thức. Trí thức Việt Nam cho tới nay đã quá nhu nhược nhưng lần này họ không có quyền nhu nhược.

Nguyễn Gia Kiểng
(Paris, tháng 4/2012)

Nhân ngày 30 tháng 4

Nghĩ về Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc

Việt Hoàng

37 năm đã trôi qua sau biến cố 30-4-1975, ngày đặc biệt "có triệu người vui nhưng cũng có hàng triệu người buồn". Dù vui hay buồn, đây cũng là dịp để chúng ta suy nghĩ về quá khứ, hiện tại cũng như tương lai.

Sau 37 năm, tâm trạng người Việt về sự kiện này ra sao ?

Có lẽ với đa số người Việt trẻ lớn lên sau năm 1975 tại Việt Nam, ngày 30 tháng 4 hàng năm đơn giản chỉ là một ngày lễ, cộng thêm vào ngày lễ Lao động 1 tháng 5 là có thêm mấy ngày nghỉ để xả hơi và đi du lịch.

Đối với những người cựu chiến binh Miền Bắc, những người đã tham gia vào sự kiện ngày 30-4-1975, ánh hào quang từ chiến thắng ngày xưa đó không còn làm họ ngây ngất nữa. Những lời hứa và giấc mơ về một tương lai tươi sáng của ngày nào đã thay thế bằng một thực tại đầy nghiệt ngã và phũ phàng. Thất vọng và cay đắng thay thế cho hy vọng và hồ hởi. Chính quyền cộng sản Việt Nam cũng đã bớt ca ngợi và tăng bốc về ngày lễ này, những hoạt động leo tèo và vội vã để kỷ niệm ngày 30 tháng 4 hàng năm đã chứng minh cho điều đó.

Tuy vậy vẫn còn một số người Việt hải ngoại, những người từng phục vụ chế độ Việt Nam Cộng Hòa, chủ yếu là tại Mỹ, vẫn xem 30 tháng 4 là ngày "quốc hận" và cho thấy vẫn còn luyện tiếc chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Vậy thì chế độ Việt Nam Cộng Hòa nên được nhìn nhận thế nào ? Chắc chắn là có rất nhiều góc nhìn khác nhau về chế độ này. Người viết không hy vọng làm thay đổi được quan điểm của những người xem chế độ Việt Nam Cộng Hòa là tốt đẹp nhất mà chỉ nói lên những suy nghĩ của mình, một kẻ hậu sinh và chưa từng sống dưới chế độ đó.

Nếu xét một cách tổng thể thì chế độ Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam ưu việt hơn hẳn chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Miền Bắc lúc đó và cả chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay. Ít nhất dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, cũng đã có sinh hoạt dân chủ (dù có giới hạn) như tự do đảng phái, tự do ngôn luận, tự do biểu tình, một nền giáo dục khai sáng thay vì nhồi sọ và một xã hội dân sự đã manh nha... Tất cả những tiên đề về dân chủ này đều được du nhập vào Việt Nam bởi người đỡ đầu là Mỹ. Thế nhưng, với sự chi viện khổng lồ về vũ khí và cả binh lính của phe đồng minh thân Mỹ chế độ Việt Nam Cộng Hòa vẫn thua cuộc và sụp đổ.

Một cách khách quan, chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã sụp đổ vì một lẽ đơn giản : nó xứng đáng bị sụp đổ. Lãnh đạo của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và những người cầm trong tay vận mệnh của Miền Nam là những kẻ bất tài và bất lực. Đó là sự thật dù có phũ phàng. Một sự thật khác khiến nhiều người đau lòng và luyện tiếc chế độ Việt Nam Cộng Hòa, đó là đã có rất nhiều người, hàng trăm ngàn người thực sự lương thiện và thực

sự yêu nước đã ngã xuống dưới lá cờ Vàng, đã hy sinh để bảo vệ miền Nam.

Những người luyện tiếc chế độ Việt Nam Cộng Hòa nhiều nhất có lẽ là những thành phần công nhân viên chức và binh lính cấp thấp, những người chưa có cơ hội tiếp xúc và làm việc với giới chức lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa để có thể thấy được bản chất thực sự của chế độ, và do đó không biết rằng giấc mơ mà mình vẫn ôm ấp không đẹp như mong tưởng.

Trong bài viết kỷ niệm ngày 30 tháng 4 năm 2011, "Một bài học chúng ta vẫn chưa chịu học", ông Nguyễn Gia Kiểng cho rằng : *"Thất bại hổ nhục nhất của chế độ Việt Nam Cộng Hòa không đến ngày 30-4-1975, mà sau đó. Hàng nghìn viên chức và sĩ quan cao cấp ở tuổi cường tráng và hàng chục nghìn trí thức đủ mọi môn trường thành trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã không xây dựng được gì đáng kể sau hơn ba thập niên trong những điều kiện hoàn toàn tự do và khá nhiều phương tiện tại hải ngoại, dù trước mặt họ chỉ là một chính quyền tham nhũng, bất tài và bất chính. Đó là bằng chứng hùng hồn rằng chế độ này không có thực chất"*. Và cũng theo ông, lãnh đạo miền Nam đã thất bại vì họ không có kiến thức chính trị, không có kinh nghiệm chính trị và không có cả ý chí chính trị.

Chiến tranh đã lùi xa nhưng lòng người Việt vẫn còn phân tán. Một bộ phận người Việt tị nạn tại hải ngoại vẫn luyện tiếc về quá khứ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và vẫn tiếp tục chống đối Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc, họ vẫn áp đặt người khác phải nhìn nhận lá Cờ Vàng như là biểu tượng của dân tộc. Họ đã vô tình (hoặc cố tình) không nhận ra một điều rằng Cờ Vàng đã hoàn toàn thuộc về quá khứ và Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc chính là chìa khóa mở cửa vào một tương lai mới cho Việt Nam. Không những chỉ có họ, mà ngay cả chính quyền cộng sản Việt Nam hiện tại cũng chống đối Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc.

Đối với những người cộng sản, họ chỉ có hai giới tuyến : ta-địch. Thậm chí, không theo ta tức là địch, không có trung lập. Do đó những người đôi lập và bất đồng chính kiến với chế độ cộng sản Việt Nam vẫn bị bỏ tù và đầy đọa ngày càng nhiều. Bất khoan dung vẫn là cách hành xử đang chiếm thể thượng phong của chính quyền cộng sản Việt Nam, nhất là với lực lượng công an "còn đảng còn mình", "thanh kiểm và lá chắn bảo vệ chế độ" như lời ông tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Dù tuyên bố rằng người Việt hải ngoại là một bộ phận không thể tách rời của dân tộc, chính quyền Việt Nam vẫn nhìn khỏi người Việt này với con mắt nghi ngờ và cảnh giác. Họ kêu gọi hòa hợp theo kiểu "các anh phải chấp nhận và qui phục chúng tôi" thay vì một sự hòa giải thật lòng. Mọi tiếng nói bất đồng chính kiến của người Việt hải ngoại đều bị theo dõi và những người chủ chốt bị cắt đứt đường về quê Mẹ. Ngay cả việc cho phép trùng tu và mở cửa Nghĩa trang Biên Hòa, nơi



yên nghỉ của các binh sĩ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa vẫn chưa được chấp nhận, dù rằng nó đi ngược lại với truyền thống cha ông ta "Nghĩa tử là nghĩa tận". Tình trạng phân biệt lý lịch và gốc gác đối với những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa vẫn chưa thay đổi khiến hồ ngăn cách giữa người Việt ngày càng lớn rộng thay vì nhỏ hẹp lại, nhất là trong những lúc như hiện nay, mọi người Việt Nam cần đoàn kết hơn lúc nào hết để chống lại nguy cơ gây hấn từ người láng giềng Trung Quốc.

Con đường dẫn đến dân chủ thật sự cho Việt Nam sẽ còn nhiều gian nan và thử thách. Chúng ta không được phép quên đi quá khứ nhưng không thể sống mãi với quá khứ. Chúng ta cần hướng tới tương lai, một tương lai mà tất cả người Việt trong và ngoài nước đều nhìn nhận nhau như là anh em, chỉ khi đó chúng ta mới có thể chung tay xây dựng được một nước Việt Nam giàu mạnh.

Để làm được điều đó thì chúng ta phải hiểu và cổ vũ cho tinh thần Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc, chìa khóa để mở ra cánh cửa cho tương lai. Cũng như trong một gia đình, sau những mất mát, đau khổ và bất đồng chỉ còn hai lựa chọn : hòa giải để tiếp tục chung sống hoặc đường ai nấy đi. Một dân tộc thì không thể đổ vỡ để rồi đường ai nấy đi mà chỉ có một con đường duy nhất : hòa giải để tiếp tục chung sống với nhau.

Để có được tinh thần Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc, việc đầu tiên và duy nhất mà mỗi chúng ta phải làm là học đức tính khoan dung. Khoan dung là chìa khóa để có được Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc. Khoan dung để nhìn nhận các ý kiến đối lập là có lý do chính đáng của nó. Khoan dung để có thể sống chung và làm việc chung với tất cả mọi người. Khoan dung để có thể thông cảm và chia sẻ với người khác chính kiến. Khoan dung để có đủ dũng cảm nhận lỗi và tha thứ. Khoan dung để hàn gắn các vết thương của quá khứ. Khoan dung để mọi người Việt Nam có thể chung sống hòa bình với nhau và với các nước láng giềng.

Có thể thấy được một điều rất thú vị là người Miền Nam trong nước đã làm được việc Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc tốt hơn so với người Việt Miền Nam đang sống ở hải ngoại. Trước năm 1975, dân số của Sài Gòn khoảng hai triệu người, hiện nay con số đó đã lên tới gần mười triệu. Rất nhiều người từ miền Bắc, miền Trung đã vào Sài Gòn để làm ăn và lập nghiệp. Nhiều người trong số đó đã thành đạt trên mảnh đất này và điều thú vị nhất là tất cả những người nhập cư này đã bị nhiễm tính cách phóng khoáng, bao dung và rộng rãi của người dân Miền Nam. Chính tâm lòng cởi mở và thân thiện của người miền Nam đã làm cho những người nhập cư, cho dù đến từ chế độ hay vì lý do sinh kế, vào Sài Gòn lập nghiệp thay đổi



bản chất. Bất cứ một ai, dù ở bất cứ nơi nào trên đất nước Việt Nam dù chỉ một lần đến với Sài Gòn nói riêng, và Miền Nam nói chung, đều có một cảm tình sâu sắc với những con người nơi đây.

Để có được điều này, công đầu là giới trẻ Việt Nam. Cho dù có xuất xứ từ Miền Bắc, Miền Trung hay Miền Nam, họ đến với nhau không vì hận thù của quá khứ hay ánh hào quang giả dối mà chính quyền cổ tình tô vẽ để biện hộ sự chiếm đóng. Họ đến với nhau bằng tâm lòng, bằng tình cảm con người, bằng tự tình dân tộc và bằng tình yêu quê hương. Tất nhiên, tuổi trẻ luôn là tương lai của đất nước, chính họ sẽ quyết định phải làm gì để hướng tới tương lai. Những lớp người đi trước, nếu không muốn đứng bên lề của lịch sử thì phải chấp nhận sự thay đổi. Bánh xe của lịch sử luôn tiến về phía trước. Ai cũng muốn chính quyền Việt Nam chủ động tạo ra sự thay đổi nhưng thụ động chờ đợi là điều vô ích. Mỗi chúng ta phải tạo ra sự thay đổi cho bản thân và cho những người xung quanh. Trí thức Việt Nam phải đi trước và dẫn đường cho nhân dân, hay nói như giáo sư Chu Hào thì trí thức phải tạo ra dư luận lành mạnh và hướng dẫn người dân đi theo sự lành mạnh đó.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên từ lúc ra đời cho đến ngày hôm nay vẫn kiên trì thuyết phục và vận động người Việt thuộc mọi tầng lớp trong xã hội chia sẻ ba lập trường căn bản, đó là xây dựng "dân chủ đa nguyên" bằng phương pháp "bắt bạo động" trong tinh thần "hòa giải và hòa hợp dân tộc".

Chúng tôi kêu gọi và mong muốn mọi người, nhất là tầng lớp trí thức, thanh niên và sinh viên Việt Nam hãy tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chính trị. Hãy là tác nhân thay vì nạn nhân để thay đổi lịch sử. Hãy vượt lên sự ích kỷ cá nhân để hướng tầm nhìn ra xã hội trong mục đích vận động thay đổi dòng chảy của lịch sử về một tương lai tốt đẹp và xán lạn hơn. Hãy đầu tư thời gian để học hỏi về kiến thức chính trị, văn hóa chính trị, tư tưởng chính trị, phương pháp đấu tranh chính trị và nhất là sẵn sàng dấn thân để đất nước được quản trị một cách hợp lý, cương quyết từ chối những bồng lộc cá nhân mà bỏ mặc cho vận nước nổi trôi.

Để có được dân chủ thật sự cho Việt Nam, ngay từ bây giờ, mỗi chúng ta phải nghiêm túc và có trách nhiệm trong việc đầu tư và xây dựng phát triển các chính đảng tại Việt Nam. Mỗi chúng ta hãy học hỏi và cố gắng góp phần hình thành một tầng lớp "trí thức chính trị", chúng ta rất cần một đội ngũ những nhà "chính trị chuyên nghiệp". Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng những tổ chức dân chủ là nhiệm vụ quan trọng nhất và chúng ta sẽ đánh giá mọi hoạt động của các tổ chức dân chủ này theo tiêu chuẩn chúng đóng góp gì cho tiến trình xây dựng một lực lượng dân chủ lành mạnh.

Để xứng đáng và thu phục được quần chúng, những người dấn thân cho dân chủ tại Việt Nam phải có những phẩm chất cốt yếu như sự lương thiện, một ước mơ và hoài bão lớn lao và nhất là sống thành thực với chính mình.

Đất nước rồi sẽ sang trang. Để những ngày kỉ niệm biến cố 30 tháng 4 lần sau không còn "hàng triệu người buồn", nước Việt Nam phải có dân chủ. Đây là một giấc mơ và cũng là mục đích của mọi người Việt Nam yêu nước. Chúng ta hãy xiết tay nhau và cùng hành động.

Việt Hoàng

(Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, Moskva)

Tùy bút

Hội chứng 30 tháng 4 - Phân tâm một cuộc thất bại

Nguyễn Văn Huy

30 tháng 4 năm 2012. Đây là lần thứ 37 cộng đồng người Việt hải ngoại miền Nam tổ chức kỷ niệm ngày Việt Nam Cộng Hòa lọt vào tay cộng sản. Năm tới sẽ là lần thứ 38, năm sau đó sẽ là lần thứ 39... Tuổi đời của kỷ niệm đau buồn này sẽ còn chồng chất theo những tháng năm kế tiếp.

Kỷ niệm đến bao giờ ? Đó là một dấu hỏi lớn, một cảm ký không ai dám tiên đoán và cũng không ai dám đặt ra.

Hiện tượng này rất đáng chú ý vì không một dân tộc nào trên thế giới cố gắng kéo dài một kỷ niệm thất bại dai dẳng như cộng đồng người Việt miền Nam hải ngoại.

Hội chứng 30 tháng 4

Sau mỗi trận động đất, một cơn bão hay một tai nạn, những nạn nhân liên được các phái đoàn chuyên gia tâm lý đến ủy lạo, thăm hỏi và tìm cách giúp đỡ. Cộng đồng người Việt tị nạn không có may mắn đó. 37 năm đã trôi qua, không một tổ chức hay cơ quan thiện nguyện quốc tế nào thực hiện một cuộc nghiên cứu qui mô về tâm lý cộng đồng người Việt tị nạn miền Nam sau ngày 30-4-1975 trên khắp thế giới.

Có một cái gì đó không bình thường. Người ta nói nhiều đến hội chứng Việt Nam của binh sĩ Mỹ sau chiến tranh, nhưng không ai nhắc tới hội chứng 30 tháng 4 của dân chúng miền Nam sau ngày mất nước.

Biên cô 30-4-1975 đã xảy ra quá nhanh và quá tàn nhẫn khiến nhiều người cho tới nay vẫn còn bàng hoàng. Trước đó một tháng, không ai tin rằng với một lực lượng quân sự hơn một triệu rưỡi người được trang bị đầy đủ lại có thể tan rã nhanh chóng đến thế. Những người không chấp nhận thất bại này hoặc đã tự sát ngay tại chỗ, hoặc tìm đường tháo chạy ra nước ngoài, một số ít rút vào rừng sâu tiếp tục kháng chiến và biến mất sau đó. Đa số còn lại chấp nhận sống dưới chế độ mới với tất cả những hệ lụy của phe bại trận. Thay vì xây dựng một đồng thuận chung để cùng nhau xây dựng lại đất nước, chính quyền cộng sản đã ứng xử như một lực lượng chiếm đóng : tịch biên tài sản, cầm tù và đầy đọa những người thua cuộc. Chỉ sau khi không chịu đựng nổi chính sách phân biệt đối xử của chính quyền cộng sản, hàng triệu người đã bằng mọi giá tìm đường vượt biên.

Khi ra được nước ngoài, phản ứng đầu tiên của những người tị nạn này là làm sống lại chế độ mà họ đã mất. Phản ứng này là lẽ thường tình vì không gì sung sướng bằng được sống dưới chế độ mà mình ưa thích. Nhưng ước muốn này không dừng ở đó, cộng đồng người Việt tị nạn miền Nam thành thực muốn xây dựng lại chế độ miền Nam ngay tại nơi định cư, đặc biệt là tại Mỹ, nơi có đông người Việt tị nạn. Đầu tiên là tại Cali, sau đó là Texas, tại những nơi này khi vào khu phố Việt người ta có cảm tưởng như sống lại không khí Sài Gòn ngày trước với những tiệm ăn, cửa hàng, quán nước, âm nhạc và những con người của "một thời vàng son", với những vinh quang cùng thói hư tật xấu.

Cái không bình thường là nếp sống này đến nay không hề thay đổi, tất cả những gì đã có từ 37 năm về trước ngày nay vẫn y như thế, từ lối suy nghĩ đến phong cách sống. Ai cũng biết phong cách này không thích hợp với nếp sống của quốc gia tiếp cư nhưng không ai buồn thay đổi. Đúng hơn là không dám thay đổi, vì thay đổi là đánh mất chính mình. Nội dung những bài viết sau ngày 30-4-1975

và những bài viết chống cộng hiện nay không có nhiều khác biệt, từ cách hành văn đến cách lý luận. Cá nhân hay hội đoàn nào có tư tưởng hay suy nghĩ trái ngược với những gì đã có từ 37 năm về trước sẽ rất khó được sống trong yên ổn với những đồng hương hoài cổ.

Cái không bình thường thứ hai là không ai đặt lại vấn đề tại sao mất nước. Câu hỏi này đáng lẽ phải được nêu ra ngay sau khi chính quyền miền Nam đầu hàng không điều kiện, khiến hàng triệu người phải bỏ nước ra đi và hàng trăm ngàn người khác bị giam trong các trại tù cải tạo. Nhìn lại những gì đã và đang diễn ra, những cựu viên chức lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa, dân sự cũng như quân sự, vẫn ung dung sinh sống không những bình thường mà còn sung túc hơn những đồng hương khác, vì đã đem theo được tất cả những của cải quý. Những người này sống bên lề cộng đồng người Việt tị nạn, tương lai của Việt Nam không phải mối quan tâm hàng đầu của họ. Không những thế, tại nhiều nơi cộng đồng người Việt tị nạn còn hành diện hay nhiệt liệt hoan nghênh mỗi khi có một cựu viên chức lãnh đạo miền Nam cũ đến viếng thăm. Do đó có một cái gì giả dối khi nhắc tới ngày 30 tháng 4.

Cái không bình thường thứ ba là để duy trì chế độ Việt Nam Cộng Hòa này tại hải ngoại, một khế ước bất thành văn được mọi người chấp nhận là trước khi bắt đầu một sinh hoạt nào, dù là văn hóa, xã hội hay từ thiện, mọi người phải đứng dậy hát quốc ca và chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa. Ai không thi hành thì không được chấp nhận. Sự cưỡng chế này đã khiến nhiều cộng đồng không muốn gắn bó với danh xưng "người Việt", như người Việt gốc Hoa và gốc Khmer chẳng hạn. Nhiều người còn không muốn nhắc tới hai chữ Việt Nam, nhiều người khác còn tìm cách thay tên đổi họ để tan biến vào xã hội cư mang. Sự thật này tuy có đau buồn nhưng đó là trường hợp của những thành phần ưu tú của xã hội miền Nam cũ, những người đã từng lãnh đạo đất nước.

Một cách không ngờ, hội chứng 30 tháng 4 trở thành hội chứng tị nạn cộng sản. Tại Hoa Kỳ, muốn được yên ổn làm ăn và được mọi người chấp nhận, khi ra đường phải phải biểu lộ tinh thần chống cộng thật cao, khi về nhà thì muốn làm gì thì làm, kể cả về Việt Nam khúm núm trước các viên chức hải quan và công an khu vực để khoe khoang sự sung túc với gia đình và được ăn chơi thỏa thích. Nói chung, phải sống giả dối để được yên thân. Càng hung hăng chống cộng thì càng dễ được chấp nhận.

Yếu tố chống cộng quá áp đảo trong các sinh hoạt khiến người ta quên đi những nạn nhân trực tiếp của cuộc vượt biển khổng lồ : những phụ nữ bị cướp biển Thái Lan trần lợt và hãm hiếp dã man. Những người may mắn đã chết ngay sau khi bị hãm hiếp, nhưng rất nhiều người khác đã sống sót và vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay. Trong suốt 37 năm qua, nỗi đau của những phụ nữ này vẫn còn nguyên vẹn. Họ chỉ biết cất giấu nỗi đau và sự nhục nhã trong lòng, không dám thổ lộ cùng ai vì sợ tai tiếng không thể lập gia đình nếu bị dư luận biết đến. Bao nhiêu người chống cộng hung hăng chia sẻ nỗi đau và sự tủi nhục của những phụ nữ này ? Đã có ai chất vấn chính quyền Thái Lan về những tội ác này chưa ?

Hội chứng 30 tháng 4 đã để lại nhiều di sản không bình thường trong sinh hoạt của cộng đồng người Việt hải ngoại. Nhiều người cố tình biểu lộ tinh thần chống cộng cực đoan để che giấu sự sợ hãi chế độ cộng sản trong lòng. Đó là trường hợp của những người vừa thoát khỏi những trại tù cộng sản theo chương trình HO và đang bắt cả một

cộng đồng làm con tin chỉ nhằm chứng minh mình là nạn nhân của chế độ cộng sản.



Phân tâm một cuộc thất bại

Mỗi năm cứ đến dịp 30 tháng 4, cộng đồng người Việt hải ngoại đọc không biết bao nhiêu là bài viết kỷ niệm một thời vàng son và những bài học rút từ kinh nghiệm đau thương còn rỉ máu. Bài viết này... là một nhánh cây, tuy có khác lạ, nhưng cũng chỉ là một hành động góp củi về rừng trong khu rừng bài viết đó. Hội chúng 30 tháng 4 là chỗ đó. Có một cái gì không bình thường trong mỗi chúng ta. Tâm trạng của cộng đồng người Việt hải ngoại rất cần được phân tâm một cách đặc biệt, vì mỗi chúng ta đều có liên quan.

Một hiện tượng rất dễ nhận thấy là, mặc dù đều là nạn nhân cộng sản sau ngày 30 tháng 4, phản ứng của cộng đồng người Việt tị nạn tại Bắc Mỹ, tại châu Âu và tại Úc rất là khác nhau. Tại Bắc Mỹ và tại Úc, hai vùng đất chưa có người Việt nào tị nạn trước đó, cộng đồng người Việt tị nạn để bị ảnh hưởng bởi những hứa hẹn phục quốc hay phục hận. Chỉ riêng tại châu Âu, mặc dù vẫn tổ chức kỷ niệm ngày 30 tháng 4, nhưng cộng đồng người Việt tị nạn tại đây thể hiện ôn hòa hơn, vì ngoài những người tị nạn chống lại chế độ cộng sản tại Việt Nam còn có rất nhiều người khác vẫn tiếp tục ủng hộ hoặc chịu hệ lụy hộ chiếu nhập cảnh của chế độ cộng sản. Nhưng cho dù tị nạn bất cứ tại nơi đâu, tâm lý của mỗi người Việt tị nạn cần được phân tích sâu rộng để được hiểu và tìm phương thức chữa trị.

Trước khi làm cuộc phân tâm (psychanalyse), trước hết phải xác định những thành phần mẫu : những người tị nạn ngay sau ngày 30-4-1975, những người tị nạn từ 1976 đến 1982, những người tị nạn từ 1983 đến 1993 và những người tị nạn sau 1994.

Đợt tị nạn đầu tiên, khoảng 150 000 người, là trước và ngay sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tất cả đều được định cư tại Bắc Mỹ, đông nhất là tại Hoa Kỳ. Tuổi trung bình của lớp người này hiện nay khoảng từ 60 đến 80 tuổi, đó những công chức và sĩ quan cao cấp của chính quyền miền Nam cũ. Với số tài sản mang theo, đa số đã xây dựng cho gia đình và con cái một chỗ đứng xứng đáng trong xã hội tiếp cư. Từ sau ngày 30 tháng 4 oái oăm đó, phần lớn những công chức và sĩ quan cao cấp này sống trong im lặng và không tham gia vào bất cứ sinh hoạt nào của cộng đồng người Việt hải ngoại. Số người trong lứa tuổi này ngày nay thưa dần với thời gian. Thất bại 30 tháng 4 do chính họ tạo ra, do đó không ai muốn nhắc tới. Chỉ một số rất ít, vì tuổi già cô đơn, thỉnh thoảng xuất hiện vào những dịp hội hè để được mọi người gọi tên với những chức vụ cũ, một số cụ già còn tham gia vào "chính phủ Nguyễn Hữu Chánh" để giải trí vào lúc hoàng hôn. Phân tâm những cựu công chức và sĩ quan cao cấp này không vinh quang gì cho cộng đồng người Việt vì không ai còn quan tâm đến tương lai đất nước, một số còn muốn được về lại Việt Nam để được chôn cất sau khi chết già.

Đợt tị nạn thứ hai, qui mô và đông đảo nhất, là từ 1976 đến 1983. Phần lớn những người tị nạn trong đợt này là người Việt gốc Hoa, họ bị xua đuổi trước và sau cuộc xung đột Việt-Trung năm 1979. Con số được ước tính khoảng 800 000 người tại miền Nam và 200 000 tại miền Bắc mà phần lớn đi đường bộ vào các tỉnh Quảng Tây và Quảng Châu, chỉ một số ít dùng thuyền đi từ Hải Phòng đến Hồng Kông, khoảng 80 000 người. Theo những số liệu thống kê của các cơ quan nhân đạo quốc tế, khoảng 200 000 người đã chết trên biển cả, phần lớn là người gốc Hoa vì chìm tàu. Đợt di tản này chấm dứt vào mốc năm 1983 khi Hồng Kông đóng cửa tất cả các trại tị nạn, vì đã xảy ra những cuộc xung đột giữa những thuyền nhân miền Nam và miền Bắc trong các dịp kỷ niệm ngày quốc khánh. Người Hoa

miền Bắc kỷ niệm ngày 2 tháng 9 trong khi người miền Nam làm lễ tưởng niệm ngày 30 tháng 4. Nếu cộng đồng người tị nạn gốc Hoa này được phân tâm một cách sâu sắc, người ta sẽ thấy một sự vô ơn đối với một đất nước đã từng cứu mang họ. Ngày nay một không người tị nạn gốc Hoa nào nhận họ là người Việt cả, tất cả đều là người Hoa và đất nước của họ là Trung Quốc hay Đài Loan. Ngược lại, họ sẵn sàng về lại quê quán cũ để làm ăn và trục lợi.

Trong khi đó tại miền Nam, một số gia đình khá giả cũng như gia đình những cựu viên chức và sĩ quan trung cấp còn lại đã dựa theo đợt di tản của người Hoa vượt biên đến các trại tị nạn tại Mã Lai và Indonesia, con số ước khoảng 100 000 người. Cũng trong đợt này, cướp biển Thái Lan đã cướp bóc và hãm hiếp rất nhiều phụ nữ Việt Nam trên biển cả. Phân tâm những người tị nạn trong đợt này rất là cần thiết, vì chính họ mới là nạn nhân trực tiếp của chế độ cộng sản : những người tị nạn chính trị. Thái độ của những người này đối với ngày 30 tháng 4 rất khó xác định : đối với một số người, 30 tháng 4 là một kỷ niệm buồn cần phải quên đi ; một số khác nhắc lại ngày này để không quên một vết thương chưa lành trong ký ức.

Đợt tị nạn thứ ba, tuy lẻ tẻ nhưng kéo dài từ 1984 đến ngày Hoa Kỳ thiết lập bang giao với Việt Nam năm 1993. Con số được ước tính khoảng 50 000 người, phần lớn là những người có phương tiện để vượt biên : chủ tàu và những người mua bán bãi để vượt biên. Sự thật đáng buồn là đa số những người này vượt biên vì lý do kinh tế hơn là chính trị. Tin tức và hình ảnh thành công của những người tị nạn trước đó tại Bắc Mỹ và Úc đã là động cơ thúc đẩy họ tiếp tục vượt biên mặc dù các trại tị nạn đã đóng cửa, nhưng vì lý do nhân đạo một số quốc gia vẫn nhận họ vào định cư. Vấn đề là ở chỗ đó. Vì không được cộng đồng người Việt tị nạn trước đó nhìn nhận họ là những người vượt biên vì lý do chính trị, phản ứng của những người này trong các dịp kỷ niệm ngày 30 tháng 4 rất là hung hăng và cực đoan : trình độ lý luận rất là thấp kém và ngôn từ sử dụng rất là tục tằn khi muốn chửi mắng những người không cùng chính kiến. Một điểm cần ghi nhận, vì không phải là những người tị nạn chính trị chính thức, khi vừa được định cư là họ liền tìm cách về nước để khoe khoang tiền của. Vì không phải là nạn nhân của chế độ cộng sản, những người này trở thành miếng mồi ngon cho âm mưu lung đoạn cộng đồng người Việt hải ngoại của chính quyền cộng sản. Phần lớn những người tị nạn trong đợt này đều có chân trong những tổ chức chống cộng cuội do tình báo cộng sản dựng lên. Phân tâm những người này khá giản dị : cho dù nhân phẩm của họ có được tôn trọng họ sẽ tiếp tục hợp tác với tình báo cộng sản để được về nước làm ăn hoặc ăn chơi.

Đợt tị nạn sau cùng là những người được Hoa Kỳ tiếp nhận trong chương trình tị nạn nhân đạo (humanity order). Đây là những nạn nhân thực thụ của chế độ cộng sản, ngày nay phần lớn đều đã đứng tuổi, họ chấp nhận ra nước ngoài để con cái và gia đình họ có cuộc sống xứng đáng hơn trong nước. Phân tâm những người này rất hữu ích, vì họ vừa là nạn nhân của chế độ cộng sản vừa là nạn nhân của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Tâm trạng của những người này rất khó, vinh danh lá cờ vàng ba sọc đỏ là một cách gián tiếp lên án những cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa trước đó đã làm mất nước. Đa số những người này không dám lên án những cấp chỉ huy đã từng bỏ rơi họ, ngược lại họ hướng sự chống đối vào bất cứ người nào từ trong nước ra nước ngoài, từ viên chức chính quyền đến thành phần nghệ sĩ. Sự chống đối của họ chỉ nhằm xác nhận họ là nạn nhân của chế độ cộng sản mặc dù thủ phạm đầu tiên chính là những cấp chỉ huy của họ.

Sau cuộc phân tâm vôi vữa này, cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ và Úc tuy bề ngoài chống cộng hung hăng nhưng trong chiều sâu lại hời hợt. Trong suốt 37 năm qua, với gần hai triệu rưỡi người, phần lớn là những thành phần ưu tú của chế độ miền Nam cũ, không một người nào nổi bật để làm điểm hội tụ cho cộng đồng người Việt tị nạn, dù trong sinh hoạt văn hóa, xã hội hay chính trị. Cá nhân từng người có thể rất tài giỏi, nhưng chưa đủ chính muối để hợp tác với người khác trong một mục tiêu chung : xây dựng lại đất nước Việt Nam. Khuyết điểm duy nhất và cũng là chính yếu nhất của cộng đồng người Việt tị nạn là không dám nhìn nhận chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã chết. Nhiều người còn ngầy ngô kêu gọi các giới chức cao cấp trong các chính quyền dân chủ địa phương nhìn nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ là lá cờ của Việt Nam. Hội chứng 30 tháng 4 do đó sẽ còn tiếp tục, nó chỉ chấm dứt khi mọi người dám nhìn nhận sự thật này để xây dựng một tương lai mới cho cộng đồng.

Một yếu tố khác, tuy chỉ là thứ yếu nhưng đã góp phần không nhỏ trong việc kéo dài hội chứng 30 tháng 4, đó là những hội đoàn ái hữu cựu học sinh, sinh viên và đồng hương mỗi khi gặp lại nhau thường chỉ để nhắc lại một thời son trẻ bị đánh mất. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã chấm dứt một cách quá đột ngột khiến những người trong lứa tuổi thanh niên trong giai đoạn đó chưa thực hiện được những dự án của đời mình, kể cả tình cảm. Nhắc lại ngày 30 tháng 4 là dịp để sống lại những giấc mơ bị tan vỡ với bạn bè và với người yêu. Thời vàng son của mỗi người hình như dừng lại trước ngày 30-4-1975. Rất ít ai trong lứa tuổi 55-65 hiện nay, nghĩa là 15-25 tuổi năm 1975, ưa thích những bản nhạc mới, tất cả chỉ muốn nghe lại những bản nhạc của một thời học sinh hay sinh viên của mình.

Tinh thần hoài cổ của cộng đồng người Việt hải ngoại có thể nói rất là huyền thoại, vì không ai dám nhìn nhận Việt Nam Cộng Hòa đã bại trận, một trang sử đã lật qua.

Có xứng đáng với thất bại đó không ?

Cho đến nay, cả thế giới chỉ nhìn nhận chiến thắng của phe cộng sản và không hề nhắc tới thất bại của nhân dân miền Nam. Sự thật này không làm vừa lòng một ai nhưng đó là một sự thật : chế độ Việt Nam Cộng Hòa xứng đáng với thất bại 30 tháng 4.

Nhận định đầu tiên là Mỹ bỏ rơi chế độ Việt Nam Cộng Hòa nhưng không bỏ rơi dân chúng miền Nam như nhiều người lầm tưởng, bằng chứng là cộng đồng người Việt tị nạn tại Mỹ đông đảo nhất với hơn một triệu người sau 1975, ngày nay con số này đã tăng gấp ba. Người Mỹ can thiệp vào Việt Nam với một sứ mệnh đặc biệt : cô lập, bao vây và phân tán lực lượng quân sự Liên Xô, sứ mệnh đó đã hoàn tất sau 1972 khi tái lập được quan hệ với Bắc Kinh và tách Trung Quốc ra khỏi quỹ đạo Liên Xô. Quà tặng cho sự trở mặt này ít ai chú ý tới vào thời điểm đó là quần đảo Hoàng Sa. Hơn nữa kho đạn khổng lồ sản xuất sau thế chiến II đã có nơi trút bỏ, chiến trường Việt Nam đã là nơi thử nghiệm những loại vũ khí mới có tầm hủy diệt lớn trong mục đích đe dọa Liên Xô, số tiền hàng trăm tỷ USD mà Hoa Kỳ đổ vào Việt Nam là trị giá của kho vũ khí đó chứ không phải là số tiền họ giúp chế độ Việt Nam Cộng Hòa tồn tại.

Nhận định thứ hai là chế độ Việt Nam Cộng Hòa không được tôn vinh. Sách báo, tài liệu và phim ảnh nói về cuộc chiến Việt Nam và ngày 30-4-1975 do người nước ngoài thực hiện không hề vinh danh sự dũng cảm của quân đội và nhân dân miền Nam, người ta chỉ thấy quân đội Hoa Kỳ và quân đội cộng sản đụng độ trực tiếp với nhau và dân chúng miền Bắc dũng cảm chống trả những đợt dội bom của Mỹ. Khi nói về chế độ miền Nam, người ta chỉ nhắc đến những khía cạnh tiêu cực : tướng lãnh bất tài, huênh hoang và tham nhũng, tệ

nạn dĩ diêm trần lan, trong khi dân chúng miền Nam chịu đựng nhiều gian khổ nhất : chạy nạn cộng sản, nhà cửa bị đốt phá, ám sát, khủng bố... nhưng không ai nhắc tới. Điều này cho thấy sự yếu kém về mặt tuyên truyền của chính quyền miền Nam, ngoài bộ phim "Chúng tôi muốn sống", không có một cố gắng đầu tư đáng kể nào để vinh danh quân đội và nhân dân miền Nam trước cuộc xâm lăng của phe cộng sản miền Bắc. Thêm vào đó, chính quyền miền Nam thiếu vắng một đội ngũ cán bộ chính trị có tầm vóc, các chương trình huấn luyện cán bộ và sĩ quan chỉ đào tạo những cấp thừa hành chứ không phải những cấp lãnh đạo. Cho dù là công chức cao cấp hay tướng lĩnh trong quân đội, tất cả chỉ là những người thừa hành. Do đó đối với người nước ngoài, kể cả Mỹ, chế độ miền Nam xứng đáng với thất bại 30 tháng 4 và lịch sử đã sang trang, sự thật này không thể đảo ngược. Sở dĩ các chính quyền phương Tây mở cửa đón nhận người tị nạn vì họ không nhẫn tâm nhìn cảnh hàng triệu người liều mạng vượt biển trốn chạy chính sách phân biệt đối xử của chế độ cộng sản chứ không phải vì muốn tái lập lại chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Nhận định thứ ba là Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa. Cộng đồng người Việt hải ngoại rất khó chấp nhận sự thật này vì hội chứng 30 tháng 4 còn quá mạnh, những ý kiến hay sáng kiến ngoài khuôn khổ Việt Nam Cộng Hòa đều bị phủ nhận. Ít ai biết rằng khi ký Hiệp định Paris 1972, số phận của miền Nam đã được định đoạt. Trong một trận bóng đá khi chỉ còn giao đầu trên một nửa sân thì phe ở sân thi đấu chỉ có thể thua hoặc huê chứ không thể nào thắng được, đó là trường hợp Việt Nam Cộng Hòa. Đó là chưa kể sự hơn hẳn về phương pháp đấu tranh của phe cộng sản trong chính trị, họ chuẩn bị người và phương tiện rất kỹ càng, tất cả các cơ quan đầu não của chính quyền miền Nam đều bị xâm nhập bởi những cán bộ nằm vùng cộng sản. Cho tới nay tình trạng này vẫn không thay đổi, bất cứ một hành động hay chuẩn bị nào ở trong nước đều bị phá vỡ ngay từ trứng nước. Đấu tranh chính trị trong điều kiện hiện nay phải hiểu là đấu tranh tình báo, không ý thức được thực tế này thì đừng dần thân vì chỉ gây thiệt hại cho những người ủng hộ. Một sự thật đau lòng khác là các tổ chức đấu tranh có tên tuổi của người Việt hải ngoại đều bị xâm nhập. Nhiều người vẫn tin rằng những cá nhân hay tổ chức nào lớn tiếng chỉ trích cộng sản là phe quốc gia.

Nhận định thứ tư là chính quyền cộng sản đang có kế hoạch nắm giữ và khống chế hệ thống truyền thông của cộng đồng người Việt tại hải ngoại, đúng theo tinh thần Nghị quyết 36/CP. Một số đài phát thanh và đài truyền hình hiện nay đang bị xâm nhập và đang lần lượt nằm trong tay những người từ trong nước sang, lý do là họ nói thông thạo tiếng Việt hiện đại. Chiến dịch bôi nhọ những tờ báo có truyền thống chống cộng đang gặt hái được nhiều kết quả tốt. Quan sát kỹ những người chống cộng cực đoan, người ta sẽ thấy họ chỉ phản ứng mạnh mẽ trước bài viết gây đau đớn cho chế độ cộng sản. Tình trạng này giống thời điểm từ năm 1972 khi miền Nam bắt buộc phải chấp nhận đá bóng trên phần đất nửa sân còn lại của mình. Sự co cụm của cộng đồng người Việt tại hải ngoại đang là mồi ngon cho những chiến dịch đánh phá của cộng sản vì sự khù khờ chủ quan của những vị lãnh đạo cộng đồng : nhìn bạn hóa thù, nhìn thù hóa bạn.

Đã đến lúc cộng đồng người Việt tị nạn miền Nam can đảm làm lễ chôn cất ngày 30 tháng 4 trong ký ức. Khi 30 tháng 4 đã được yên mồ đẹp mã, cộng đồng người Việt hải ngoại mới thực sự vượt khỏi sự giam hãm của quá khứ và có thể tiến vào tương lai một cách hùng dũng. Quên là một quyết định rất khó nhưng bắt buộc, nếu muốn được giải thoát.

Nguyễn Văn Huy

Hiểm họa của nhà máy điện hạt nhân

Nguyễn Gia Thường

Chính quyền Việt Nam gần đây tuyên bố sẽ xây dựng không những bốn lò điện hạt nhân mà còn thêm mười lò khác, tổng cộng là mười bốn lò. Để giải quyết những vụ nợ đã đáo hạn mà không có tiền trả, chính quyền Việt Nam đã buộc phải chấp nhận ký kết những hợp đồng mua lò nguyên tử và rất có thể nhận làm thùng rác chứa những chất thải phóng xạ của những nhà máy hạt nhân của thiên hạ, mặc dù biết rõ là rất nguy hiểm. Họ đang đưa nước Việt Nam vào con đường hủy diệt.

Cho đến nay, những thông tin về hiểm họa hạt nhân ít được nói và cũng ít được biết đến. Nếu có nói đến thì cũng chỉ phớt qua mà thôi, thậm chí còn ca tụng những lợi ích của lò điện hạt nhân và xem đó là phương tiện duy nhất để cung cấp điện năng cho cả nước để phát triển kinh tế.

Để hiểu biết tầm nguy hại của lò điện hạt nhân, chúng ta cần tìm hiểu ba vấn đề sau : Phóng xạ là gì và tại sao nó độc hại ? Tại sao các lò điện nguyên tử nguy hiểm ? Những tai nạn nào có thể xảy ra ?

Phóng xạ là gì ?

Khoa học cho biết mọi sự vật đều được cấu tạo bằng những hạt nhân nguyên tử rất nhỏ. Phần lớn những nguyên tử này trong thiên nhiên rất là bền. Chúng liên kết với nhau để tạo nên tất cả những loại vật chất.

Ví dụ như nước trong một ly bao gồm những phân tử hydrogen và oxygen. Những phân tử này đã có từ triệu năm nay và sẽ tiếp tục hiện diện trong nhiều triệu năm nữa. Rất có thể những phân tử hydrogen trong ly nước này đã giúp hình thành bộ da của con khủng long trước đây và những phân tử oxygen này nằm trong không khí của con khủng long hít thở.

Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, ông Henri Becquerel, một nhà vật lý học Pháp, đã khám phá một số những phân tử không hẳn là ổn định. Có một số chất liệu trong thiên nhiên phát ra phóng xạ, tí gụ như chất radium, do bà Marie Curie khám phá vào năm 1898. Khác với những phân tử thông thường, những phân tử phóng xạ không tồn tại lâu dài. Nó chỉ hiện diện trong một thời gian ngắn rồi sau đó nổ tung. Sự nổ tung của những phân tử phóng xạ này rất là nhỏ nên đôi mắt con người không thể thấy được, nhưng khi xảy ra trong cơ thể của mỗi chúng ta nó làm hư hại nặng nề những tế bào.

Khi một phân tử nổ, nó phát ra năng lượng và tia phóng xạ có thể gây tổn hại cho những vật hiện hữu quanh đó. Trong một cơ thể sống, những tế bào bị nhiễm phóng xạ có thể trở nên ung thư tùy theo phản ứng của cơ thể mỗi người.

Làm thế nào chất phóng xạ có thể thâm nhập vào cơ thể chúng ta ? Chúng ta có thể lấy ví dụ chất radium. Radium là một chất có hình dáng cấu tạo như calcium mà cơ thể dùng để biến thành xương và răng, chất calcium cũng hiện diện trong sữa mẹ. Vì vậy khi thức ăn hay thức uống của chúng ta nhiễm radium, cơ thể của chúng ta lầm tưởng radium là calcium và đem chứa vào những nơi nào có calcium trong khắp cơ thể ; kết quả cơ thể có thể bị ung thư xương và ung thư máu.

Ngày nay chất radium trở thành quá nguy hiểm nên người ta đã không dám dùng nó trong những mục đích thương mại. Trái đất này đã có quá nhiều người bị nhiễm radium, như bà Marie Curie (người khám phá ra chất radium) và cô con gái Irène (người tìm hiểu sự nguy hại của radium) chẳng hạn. Chất này đã trở thành một phế liệu nguy hiểm thay vì một nguồn phúc lợi.

Khi một nguyên tử radium nổ, nó không biến mất trong hư vô mà hóa thân thành một loại khí gọi là Radon. Khí Radon cũng chứa phóng xạ, khi vào phổi nó có thể gây ung thư phổi. Những khảo sát về những công nhân làm việc trong các hầm mỏ Uranium tại nhiều quốc gia cho thấy những người tiếp xúc với khí Radon, tỷ lệ ung thư phổi tăng lên một cách mạnh mẽ.

Tóm lại, trong thiên nhiên những chất phóng xạ này tuy rất hiểm nhưng tất cả đều rất nguy hiểm. Mỗi năm, hàng chục triệu người chết vì các chứng bệnh ung thư trong đó có rất nhiều người chết vì nhiễm những chất phóng xạ tự nhiên này.

Bom nguyên tử và các lò điện nguyên tử

Khi một quả bom nguyên tử nổ, hàng tỉ phân tử uranium bị phá vỡ trong một khoảng khắc, theo tiến trình được gọi là phản ứng phân rã nguyên tử (phản ứng phân hạch hạt nhân). Khối năng lượng phân rã khổng lồ này tỏa ra đủ phá vỡ cả một thành phố lớn. Những trái bom hiện nay có sức tàn phá mạnh gấp nhiều lần so với hai quả bom thả tại thành phố Hiroshima và Nagasaki. Nếu so với những quả bom nguyên tử hiện đại, hai quả bom kia chỉ là những viên pháo nhỏ.

Phản ứng phân rã hạt nhân uranium không những tạo ra năng lượng mà còn tạo những chất phóng xạ không hiện diện tự nhiên trong thiên nhiên. Những phân tử phóng xạ là những mảnh vụn của hạt nhân nguyên tử uranium. Chúng là những phó sản của tiến trình phản ứng phân rã. Các loại này được gọi là iode 131, krypton 85, strontium 90, cesium 137, cobalt 60 và nhiều thứ khác nữa. Chúng có thể hủy diệt hàng loạt mạng sống con người. Đôi khi, nhiều năm sau, mưa hay tuyết đem chúng từ khí quyển thấm vào ruộng đất ; người ta gọi sự kiện này là mưa phóng xạ.

Có nhiều nhà khoa học lo sợ một cuộc chiến hạt nhân sẽ khiến cho quả địa cầu trở thành một nơi không thể sống được vì thức ăn, nước uống và không khí bị ô nhiễm phóng xạ. Những người sống sót sau những vụ nổ bom nguyên tử có thể chết vì bệnh ung thư hoặc các bệnh khác một vài năm sau.

Trong các nhà máy điện nguyên tử, người ta cũng dùng cùng một phương pháp phân rã hạt nhân, nhưng sự kiểm soát rất là gắt gao. Sức nóng tỏa ra khi hạt nhân phân rã dùng để làm cho nước sôi lên. Có thể nói công việc của một nhà máy điện nguyên tử là làm cho nước sôi lên. Hơi nước được dùng để làm cho các máy phát điện hoạt động và từ đó sản xuất ra điện. Sự khác biệt giữa một nhà máy phát điện nguyên tử và một nhà máy phát điện dùng than đá làm nhiên liệu qua phương pháp thu thập nhiệt lực để cho nước sôi lên.

Một lò nguyên tử không thể nào nổ như một quả bom nguyên tử vì những phân tử uranium bị phân rã một cách từ từ và có kiểm

soát. Tuy nhiên, tất cả những chất phóng xạ phát ra từ một quả bom nguyên tử đều hiện diện trong lò này. Những phế liệu phóng xạ còn lại được chôn cất dưới lòng đất để cho cho tự hủy trong vòng một vài triệu năm. Trong trường hợp xảy ra tai nạn, động đất hay sóng thần, tất cả những chất độc này có thể sẽ bị thải ra trong không khí hoặc trong nước.

Những phó sản của việc phân rã hạt nhân được đóng kín trong những chum chứa nhiên liệu uranium. Những chum này không nguy hiểm trước khi chúng được bỏ vào lò. Chất uranium thực ra không phát ra phóng xạ nhiều. Người ta có thể cầm những thanh uranium với một cặp găng tay mà không sợ bị nhiễm.

Nhưng một khi chum uranium được lấy ra khỏi lò, nó phát ra những tia phóng xạ cực kỳ mạnh đến độ chỉ cần đứng bên cạnh nó ba mươi giây, nạn nhân sẽ chết ngay sau đó vài ngày. Một khi được đưa vào sử dụng, những chum này không thể dùng tay người trực tiếp tiếp cận. Người ta dùng những cần cẩu điều khiển từ xa và những nhân viên thao tác phải đứng đằng sau những tấm kính dày để giữ an toàn. Những chum này được thả vào những hồ nước to lớn và được di chuyển trong những thùng chứa to nặng từ năm đến sáu chục tấn chì, trong khi đó mỗi một chum chỉ có chừng hai mươi bảy ký.

Những giác quan của chúng ta không báo động bất cứ một mối nguy nào khi tiếp cận những chất phế thải hạt nhân. Nó có vẻ như vô hại, nhưng trên thực tế rất nguy hiểm. Trong một năm, một lò nguyên tử loại trung bình sẽ tạo những chất phế thải nhiễm phóng xạ hàng nghìn lần nhiều hơn quả bom nguyên tử tại Hiroshima. Những chất liệu phế thải của một nhà máy điện nguyên tử chứa nhiều strontium và cesium hơn hẳn tất cả những lần thí nghiệm vũ khí nguyên tử của Hoa Kỳ, Nga, Anh, Pháp và Trung Quốc cộng lại. Đây là một con số khổng lồ.

Những khoa học gia thuộc Viện nghiên cứu địa chất học (US Geological Survey), một cơ quan của chính quyền Hoa Kỳ, đã ấn hành năm 1978 một báo cáo quan trọng về những phế liệu nhiễm xạ. Họ tự đặt câu hỏi : "Chúng ta cần bao nhiêu nước để hòa tan những chất thải nhiễm xạ ở một mức độ tập trung chấp nhận được ?". Câu trả lời thật là bất ngờ. Viện nghiên cứu này cho biết phải cần số lượng gấp đôi nước ngọt của cả thế giới, nghĩa là tất cả nguồn nước từ những hồ, những sông ngòi, những băng đá, nước ngầm và độ ẩm của đất cộng lại với nhau và nhân lên cho hai. Đây là số lượng cần để tẩy những phế liệu nhiễm xạ ở một mức độ có thể chấp nhận được. Họ cũng lưu ý là nếu những phế liệu này nhiễm vào thực phẩm, không khí và nước uống, chúng có thể gây nên cảnh chết chóc của hàng triệu nạn nhân vì bệnh ung thư. Lẽ cố nhiên những phế liệu này không nằm rải rác ngoài thiên nhiên, chúng được cất giữ kỹ lưỡng trong những hồ nước bên cạnh nhà máy điện.

Có nên tin cậy hoàn toàn vào kỹ thuật lưu trữ này không ? Có quá nhiều rủi ro cho các thế hệ mai sau.

Nhưng tai nạn nào có thể xảy ra ?

Những phế liệu nhiễm xạ của một nhà máy điện hạt nhân quá lớn nên chúng tiếp tục tỏa nhiệt trong hàng trăm năm. Khi được lấy ra khỏi lò, những phế liệu này rất nóng. Vì vậy chúng phải được làm nguội một cách nhân tạo. Trái với sức nóng kiểm soát được của phản ứng phân hạch, nhiệt lượng tỏa ra từ phóng xạ

không thể nào kìm hãm được bằng bất cứ phương pháp gì. Không có gì có thể làm cho nó suy yếu. Phương cách duy nhất là tìm cách giải nhiệt để cho chúng đừng nóng quá.

Nhiên liệu hạt nhân sau khi đã dùng được lưu trữ trong những hồ nước lớn. Những hồ nước này có hai nhiệm vụ chính : giảm nhiệt chất liệu đã sử dụng và ngăn cản không cho chúng tăng nhiệt, đồng thời được dùng làm lá chắn sinh học bảo vệ những nhân viên làm việc tại nhà máy. Đã có những cuộc khảo cứu cho thấy những chum nhiên liệu kéo ra khỏi lò không bỏ vào nước, sẽ tăng nhiệt và chảy nhão ở nhiệt độ 2800°C (5000°F).

Khi nhiên liệu hạt nhân tan chảy, những phó sản của tiến trình phân hạch nằm trong nhiên liệu sẽ được thải ra ngoài không khí dưới dạng khí (gaz), hơi nước và tro bụi. Nếu một số lượng to lớn nhiên liệu tan chảy, phóng xạ sẽ tỏa ra bầu khí quyển và những hệ lụy sẽ rất là thảm khốc. Hàng ngàn người có thể bị chết, hàng chục ngàn người khác được đưa vào bệnh viện và hàng trăm ngàn người có thể bị ung thư trong vòng hai mươi hoặc ba mươi năm sau. Những vùng lân cận nơi xảy ra tai nạn, không ai có thể sinh sống được vì thực phẩm, nước uống, đất đai và nhà cửa bị nhiễm phóng xạ.

Lẽ cố nhiên các chuyên gia và các kỹ sư trách nhiệm đã bỏ trí rất là kỹ lưỡng để những tai nạn loại này không thể xảy ra. Nhưng không ai làm chủ được những tai nạn thiên nhiên, như tại Three Mile Island (Hoa Kỳ), Tchernobyl (Liên Xô cũ) và gần đây nhất là Fukushima (Nhật Bản), rủi ro đều có thể xảy ra.

Hầu hết những tai nạn xảy ra trong những nhà máy điện hạt nhân nói chung do sự ngưng hoạt động của những ống dẫn nước để giải nhiệt lò hạt nhân. Chính vì thế, việc giải nhiệt là trọng tâm an ninh hàng đầu của bất cứ lò phát điện hạt nhân nào. Vì bất cứ một lý do nào mà nước trong các lò hạt nhân không được giải nhiệt, các chum uranium sẽ nóng lên và làm tan chảy các vật liệu chung quanh và chất phóng xạ sẽ lan tỏa ra khắp vùng.

Kết Luận

Xây dựng và điều hành một nhà máy phát điện nguyên tử tưởng như dễ làm nhưng thực tế không giản dị như vậy. Không phải bất cứ ai cứ bỏ tiền ra thuê người xây dựng và bảo trì một nhà máy phát điện nguyên tử là xong. Vấn đề quan trọng là những di hại của các loại chất liệu phế thải cho những thế hệ mai sau. Không kể những rủi ro xảy ra trong lúc vận hành, các lò điện hạt nhân đòi hỏi phải giải quyết vấn đề lưu trữ những phế liệu phóng xạ vì chúng có khả năng tác hại đến hàng triệu năm.

Quản lý phế liệu nguyên tử là một vấn đề lớn, có thể nói là nan giải. Nhà máy điện nguyên tử có thể chạy tốt trong vòng nhiều năm, nhưng chỉ cần xảy ra một tai nạn nhỏ thôi cũng đủ hủy diệt tất cả đời sống của cả một vùng. Chính vì tính chất di hại lâu dài của các phế liệu nhiễm phóng xạ và những rủi ro khó tránh được trong việc ngăn chặn tai nạn nếu có xảy ra nên hầu hết các quốc gia trên thế giới đã ngưng xây dựng và phát triển các lò phát điện nguyên tử, tại một vài nơi người ta còn tìm cách tháo dỡ những nhà máy điện nguyên tử.

Quyết định xây mười bốn lò điện nguyên tử, chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay đang đưa đất nước vào một ngõ tòi và cầm cổ tương lai của dân tộc Việt Nam.

Nguyễn Gia Thường (Brussels)

Người Việt ở Đông Âu, kiều hối và sứ quán

Đông Âu là một khu vực rộng lớn bao gồm các quốc gia trước đây vốn là các nước theo chế độ cộng sản như Nga (và 15 nước thuộc Liên xô cũ), Balan, Tiệp, Bungari, Hungari... Sau khi bức tường Berlin bị phá bỏ và chủ nghĩa cộng sản cáo chung thì đa số các nước Đông Âu đã lựa chọn mô hình dân chủ theo kiểu phương Tây.

Các nước Đông Âu đã nhanh chóng hội nhập với thế giới, nhiều nước đã trở thành thành viên của Liên Hiệp Châu Âu (EU). Tuy nhiên nước Nga và hầu hết các nước thuộc Liên Xô cũ vẫn đi theo con đường toàn trị kiểu mới, nghĩa là trong Hiến pháp vẫn có đầy đủ mọi qui định về dân chủ nhưng nó chỉ tồn tại trên giấy tờ, còn thực tế thì không hề có dân chủ và tự do. Con đường đi tới dân chủ của nhân dân các nước này vẫn còn nhiều chông gai và thách thức, và đây là vấn đề mà nhân dân các nước này phải giải quyết.

Người Việt đang sinh sống làm ăn ở Đông Âu tương đối lớn. Hiện tại chưa có một con số thống kê chính thức nào, tuy nhiên chỉ riêng việc cộng đồng người Việt tại Séc được công nhận là sắc dân thiểu số lớn thứ 3 tại nước cộng hòa nhỏ bé với 10 triệu dân này cũng cho chúng ta hình dung được sự có mặt đông đảo của người Việt tại các nước Đông Âu. Nước Nga với hơn 100.000 người Việt sinh sống cũng là một con số đáng kể.

Điều khác biệt lớn nhất giữa cộng đồng người Việt tại Đông Âu so với ở các nước phương Tây là những người Việt sinh sống tại Đông Âu có mối quan hệ mật thiết với quê nhà Việt Nam. Hầu hết những người đến Đông Âu là du học sinh và khối hợp tác lao động, họ ở lại làm ăn và sinh sống cho đến nay, sau khi bức tường Berlin sụp đổ.

Trước đây và tại Nga bây giờ, một số lớn người Việt vẫn xem nước sở tại như một môi trường để làm ăn và kiếm tiền. Họ chỉ chú tâm làm ăn, gom góp được đồng nào là gửi về Việt Nam đồng ấy. Tất nhiên, với một chế độ toàn trị như nước Nga thì hành động này như là một phản ứng tự nhiên của mọi người thuộc mọi sắc dân khác nhau. Người Việt tại Nga chấp nhận mọi cay đắng, bẽ bàng lẫn sự khinh miệt của người Nga để kiếm tiền với hy vọng xây dựng cho mình một cuộc sống khá hơn ở Việt Nam. Quyết định sinh cơ lập nghiệp tại Nga không phải là sự lựa chọn của đa số người Việt đang sinh sống tại đây.

Với các nước Đông Âu đã chọn con đường đi về phía dân chủ như Balan, Séc... cộng đồng người Việt đã có cuộc sống ổn định hơn và nhân quyền hơn. Khi nghèo đói thì không ai nghĩ đến nhân quyền nhưng khi đã đủ no và nhất là khi khá giả thì nhân quyền (quyền được tôn trọng) của con người là một mối quan tâm quan trọng hàng đầu. Thà kiếm ít tiền hơn nhưng được (chính quyền) tôn trọng còn hơn là kiếm được nhiều tiền nhưng không biết mất-còn lúc nào và luôn phải sống trong tâm trạng bất an.

Tại nhiều nước Đông Âu, tuy kiếm tiền không còn dễ dãi như ngày xưa nhưng với luật pháp ổn định và nhân quyền được tôn trọng, nhiều người Việt đã xem Đông Âu như là quê hương thứ hai, một chốn dung thân lâu dài. Tuy nhiên ảnh hưởng và mối liên hệ của cộng đồng người Việt tại Đông Âu với quê nhà vẫn còn đậm nét và sâu sắc. Hầu hết mọi người vẫn còn gia đình, cha mẹ, nội ngoại ở Việt Nam. Đa số vẫn còn dùng hộ chiếu Việt Nam và có quan hệ thân thiện với chính quyền Việt Nam, thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại các nước Đông Âu. Các phong trào quyền góp ủng hộ đồng bào bị

hoạn nạn trong nước chứng minh cho tấm lòng của bà con người Việt dành cho quê hương và đồng bào.

Tuy vẫn bị làm phiền và làm khó dễ khi đổi hộ chiếu và các vấn đề liên quan đến thủ tục lãnh sự nhưng hầu hết mọi người Việt Nam đều chấp nhận và bỏ lơ vì thường xuyên đi về Việt Nam và họ hiểu rằng chế độ này là như vậy. Có người đã nói rằng nếu chế độ Việt Nam không còn tham nhũng nữa thì mọi công việc sẽ bị đình trệ ngay lập tức.

Mọi chuyện liên quan đến các tòa đại sứ ở Đông Âu rất ít khi được nhắc đến, gần đây sự chú ý của dư luận đối với các tòa đại sứ này được xới lên do sự việc xảy ra tại Đại sứ quán Việt Nam tại Séc, đứng đầu là ông đại sứ Đỗ Xuân Đông, người ra lệnh gửi "công hàm ngoại giao" đến Sở Di Trú Bộ nội vụ Séc để truy bức một công dân Việt Nam vì lý do "bất đồng chính kiến". Tòa đại sứ đã yêu cầu cơ quan này không cấp qui chế tị nạn cho ông Đỗ Xuân Cang, người đồng hương Thái Bình với ông Đỗ Xuân Đông.

Sau khi bị dư luận và báo chí chỉ trích, bà Lưu Lan Phương, trưởng phòng lãnh sự, Sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc đã lên tiếng qua một bài phỏng vấn. Một bài báo báo phụ họa với bà Lưu Lan Phương của tác giả Nguyễn Thành Vĩnh (một người thân thiết với đại sứ quán), người đã công khai đe dọa những người Việt tại Séc rằng gia đình họ và tài sản của họ ở Việt Nam sẽ gặp "rắc rối" khi họ phản ứng không đồng tình với những việc làm sai trái và khuất tất của đại sứ quán Việt Nam tại Séc và nếu họ ủng hộ ông Đỗ Xuân Cang.

Cũng nhờ vụ gửi công hàm đặc biệt này mà bao nhiêu chuyện "thâm cung bí sử" trước đây của đại sứ quán tại Séc bị phanh phui cho cả thiên hạ tỏ tường. Ông đại sứ Đỗ Xuân Đông đã làm hại các vị đồng nghiệp và tiền nhiệm của mình, thật là không có cái đại nào như cái đại này.

Không những thế, chỉ riêng việc Sở Di trú Bộ nội vụ Séc trao cho ông Đỗ Xuân Cang bản sao công hàm Đại sứ quán Việt Nam gửi cho họ đã thể hiện thái độ coi thường và khinh bỉ của chính quyền Séc đối với nhà nước Việt Nam, đại sứ quán Việt Nam tại Séc và ông đại sứ Đỗ Xuân Đông.

Vụ việc này đã gây nên một làn sóng phản đối mạnh mẽ của cộng đồng người Việt tại Séc đối với đại sứ quán và với ông đại sứ Đỗ Xuân Đông. Sau sự kiện này có lẽ nguồn kiều hối của cộng đồng người Việt ở Đông Âu nói chung và tại Séc nói riêng gửi về Việt Nam sẽ giảm sút mạnh. Lý do là vì ông Vĩnh đã dọa dẫm rằng tài sản của họ ở Việt Nam sẽ có vấn đề nếu họ có ý kiến không hợp gu với Đại sứ quán.

Đông Âu đang bước vào một giai đoạn khủng hoảng tồi tệ cùng với các nước thuộc Liên Hiệp Châu Âu. Đồng tiền kiếm được ngày càng khó, nếu gửi về Việt Nam, lại có nguy cơ bị "phong tỏa" như lời ông Vĩnh, chỉ bằng giữ lại để đầu tư tại nơi mình đang sinh sống, vừa để quản lý vì trong tầm kiểm soát của chính mình, vừa tạo được chỗ đứng và vị thế trong mắt người dân bản xứ. Cho dù khó khăn đến mấy, Đông Âu vẫn là mảnh đất tốt để người Việt mình sinh sống và lập nghiệp. Séc là một quốc gia dân chủ, nhân quyền được tôn trọng, ông Đỗ Xuân Cang dù bị đại sứ quán truy bức nhưng không hề bị Sở di trú Séc làm khó dễ.

Người Việt ở Đông Âu cũng như ở Séc vốn nặng lòng với quê hương nhưng cũng đừng quên những kẻ sâu mọt đang ngự trị tại quê nhà, thậm chí ngay trong các tòa đại sứ như ở Séc. Người Việt Đông Âu, nếu không cẩn thận khi đầu tư về Việt Nam thì có thể bị rơi vào hoàn cảnh "tiền mất, tật mang" hay "gom góp cho cạp nó xơi"...

Nguyễn Văn (Liên Bang Nga)

Ý thức về chủ quyền và tự sự chính trị

Nguyễn Hưng Quốc

Ý thức và kiến thức về chủ quyền đất nước

Mới đây, đọc báo trong nước, tôi thấy một bài viết khá thú vị về chuyện hai du học sinh Việt Nam và Trung Quốc ở Mỹ : Trong khi du học sinh Trung Quốc tìm mọi cách để thuyết phục mọi người Mỹ, ở trường cũng như ở nhà em trọ, Trường Sa và Hoàng Sa là thuộc về Trung Quốc với rất nhiều dẫn chứng từ lịch sử, thì du học sinh Việt Nam, ngược lại, chỉ biết lặp đi lặp lại câu nói "Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam". Rồi thôi. Cuối cùng, vừa đuối lý vừa tức tởm, em ấy chỉ biết bỏ bữa cơm tối.

Chúng ta không thể trách cứ em học sinh Việt Nam ấy được. Chắc chắn em là người có lòng với tổ quốc. Em muốn khẳng định chủ quyền đất nước, tự hào về đất nước, và muốn mọi người biết về thực trạng đất nước của mình. Chính vì thế, em mới thấy tức tởm và không thể ăn cơm được.

Vấn đề của em một phần nhỏ thuộc về ý thức nhưng phần khác, lớn hơn, thuộc về kiến thức.

Thuộc về ý thức ở điểm : thoát đầu, khác với học sinh Trung Quốc, em không thấy chủ quyền của đất nước trên Hoàng Sa và Trường Sa là một vấn đề ; lại càng không thấy việc thuyết phục người ngoại quốc về chủ quyền ấy là một vấn đề. Em đến Mỹ như một người phi-chính trị, thậm chí, phi-tổ quốc. Em không thấy em có nhiệm vụ gì với đất nước. Em không tự xem mình như một đại sứ văn hóa hay chính trị của quê hương em ở xứ người, như cái điều thỉnh thoảng, đây đó, người ta, kể cả người Việt Nam, vẫn nói. Vì vậy, em mới ở cái thế hoàn toàn bị động trước cái đề tài về Trường Sa và Hoàng Sa mà người học sinh Trung Quốc đề cập.

Nhưng sau giây phút ngỡ ngàng ban đầu, khi muốn tranh cãi về vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa, em cũng không thể cãi nổi với người bạn học đến từ Trung Quốc. Đến đây, em gặp một vấn đề khác : kiến thức. Em không biết gì về Hoàng Sa và Trường Sa trừ cái câu khẩu hiệu thỉnh thoảng em nghe nói : Đó là hai quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam. Hết. Ngay cả khi em muốn tìm hiểu về vấn đề ấy để chuẩn bị cho một bài thuyết trình với đầy đủ luận cứ và luận chứng, có lẽ em cũng không làm được. Vì tìm tài liệu không dễ.

Đó có phải là lỗi của em du học sinh ấy không ?

Chắc chắn là không. Bài báo lấy ví dụ từ hai học sinh phổ thông. Tuy nhiên, nếu làm một cuộc điều tra kỹ lưỡng đối với những thành phần lớn tuổi hơn và có học thức hơn, kể cả các sinh viên đại học hoặc hậu đại học, thậm chí các giáo sư hoặc chuyên viên, từ Việt Nam, tôi ngờ tình hình cũng không khá hơn : Hầu hết vẫn cứ ngỡ ngơ ngác ngác.

Thật ra, đó cũng không phải là lỗi của họ nữa.

Việc không nắm được kiến thức chuyên ngành là lỗi của người đi học. Việc học sinh không nắm được những kiến thức căn bản là lỗi của người đi dạy. Việc dân chúng không nắm được tình hình chính trị và nhu cầu cấp bách của đất nước lại là lỗi của nhà cầm quyền.

Ở Tây phương, mỗi lần đưa ra một chính sách lớn có ảnh hưởng đến toàn dân, chính phủ luôn luôn tìm mọi cách để vận động dân chúng, trong đó, cách thức quan trọng nhất là cung cấp cho dân chúng đầy đủ các thông tin cần thiết nhất dưới hình thức họp báo

hoặc quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng, và cuối cùng, gửi tài liệu đến từng nhà.

Ở Việt Nam thì ngược lại. Không ai có thể chối cãi vấn đề Trường Sa và Hoàng Sa, cũng như vấn đề Biển Đông nói chung, là những vấn đề cực kỳ quan trọng, cấp thiết và đầy nhức nhối : Chúng liên quan đến chủ quyền và an ninh quốc gia, niềm tự hào dân tộc và, cụ thể hơn, vấn đề sinh sống của người dân, đặc biệt ngư dân. Thế nhưng, với chính quyền, đó lại là những vấn đề bị xem là "tê nhị" hoặc "nhạy cảm". Họ không muốn nhắc đến và cũng không muốn ai nhắc đến. Tất cả các cuộc hội thảo về vấn đề Trường Sa và Hoàng Sa, cho dù có tính chất khoa học và lịch sử, đều bị cấm đoán, hoặc bị hạn chế gay gắt. Ngay cả các bảng hiệu khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Trường Sa, Hoàng Sa và Biển Đông cũng bị xem là những điều cấm kỵ. Những người hô to các khẩu hiệu ấy trên đường phố thì bị bắt bớ hay tù đập.

Trong hoàn cảnh mọi thông tin đều bị bưng bít như thế, làm sao có thể đòi hỏi học sinh Việt Nam, hay công dân Việt Nam nói chung, có ý thức và kiến thức về Trường Sa, Hoàng Sa và Biển Đông được ?

Không thể không đặt câu hỏi : Tại sao chính quyền Việt Nam tìm cách bưng bít các thông tin chính đáng và cần thiết như vậy ? Tại họ sợ làm phiền lòng Trung Quốc ư ? Nhưng tại sao lại làm phiền và tại sao lại sợ khi đó là những sự thật ? Và là bốn phận của chính quyền ? Cấm dân chúng hô hào đá đảo Trung Quốc thì còn có thể lý giải được. Nhưng cấm dân chúng không được tìm hiểu lịch sử chủ quyền của Việt Nam trên chính lãnh thổ của Việt Nam thì lại không có cách gì có thể hiểu nổi.

Càng không thể nào hiểu nổi việc chính quyền xem những người tìm hiểu và khẳng định chủ quyền của đất nước trên Trường Sa, Hoàng Sa và Biển Đông, từ góc độ khoa học, như những thành phần chống đối. Chẳng lẽ chống đối chính quyền Trung Quốc lại bị xem là đồng nghĩa với việc chống đối chính quyền Việt Nam ? Tại sao lại có chuyện đồng nhất lạ lùng và oái oăm như thế trong khi ai cũng biết Trung Quốc lúc nào cũng hăm he đòi lấn đất, lấn đảo và lấn biển của Việt Nam ?

Hiện tượng đồng nhất Việt Nam và Trung Quốc cũng có thể thấy rõ trong phần ý kiến phản hồi của độc giả trên blog này. Rất dễ thấy, trong số các "còm sĩ" có khá nhiều người lúc nào cũng chăm chăm bảo vệ đảng của họ. Thì cũng được. Hề bắt gặp bất cứ sự phê phán nào nhắm đến chính quyền Việt Nam họ đều nhảy dựng lên chửi bới. Thì cũng được. Thế nhưng tại sao khi tôi, cũng như khi một độc giả nào đó, vạch trần và chỉ trích các hành động bá quyền của Trung Quốc, kể cả đối với Việt Nam, họ cũng nhao nhao lên phản đối và bênh vực cho Trung Quốc ?

Thú thực, tôi hoàn toàn không hiểu được.

Tuy nhiên, từ việc không hiểu ấy, tôi có thể dễ dàng giải thích được tại sao các em du học sinh Việt Nam hoàn toàn thua kém bạn bè đến từ Trung Quốc trong các đề tài quan trọng như Trường Sa, Hoàng Sa và Biển Đông.

Nếu các em giỏi hơn, có lẽ các em đã không được đi du học. Hơn nữa, có khi còn bị bắt ở tù rồi không chừng.

Như Điều Cày (Nguyễn Văn Hải) hay Anh Ba Sài Gòn (Phan Thanh Hải). Hay một số người khác.

Cần nhất là một tự sự chính trị

Có một thuật ngữ chính trị rất thông dụng ở Tây phương nhưng không hiểu sao, ở Việt Nam, cho đến nay, vẫn còn rất xa lạ : tự sự chính trị (political narrative).

Tự sự (narrative), nói một cách đơn giản, chỉ là một câu chuyện (story). Nhưng ý nghĩa của tự sự, thật ra, lại rộng hơn một câu chuyện. Câu chuyện là diễn biến của các sự kiện, hoặc có thực hoặc chỉ do tưởng tượng, theo hướng tuyến tính (linearity) trong một mối quan hệ ít nhiều có tính nhân quả. Tự sự, ngược lại, là phương thức hiện thực hóa câu chuyện, bởi vậy, trong tự sự có thể có một hoặc nhiều câu chuyện. Câu chuyện bao giờ cũng có nhân vật : hoặc là người hoặc là vật được nhân cách hóa. Hơn nữa, cần ít nhất là hai nhân vật trở lên. Họa hoằn, nếu chỉ có một nhân vật, nhân vật ấy phải tự phân thân, nghĩa là phải biến thành hai : Có như vậy mới có sự tương tác, một điều kiện thiết yếu của chuyện, và từ đó, truyện. Tự sự, ngược lại, là một diễn biến không cần nhân vật : Nó có thể chỉ là một sự vận động nói chung, bao quát một khoảng thời gian nào đó. Câu chuyện gắn liền với ngôn ngữ, hoặc ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết. Tự sự, ngược lại, có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau : nhiều nhất, dĩ nhiên, là bằng ngôn ngữ ; nhưng bên cạnh ngôn ngữ còn có thể có âm thanh (bởi vậy người ta mới nói đến tự sự trong âm nhạc - narrative in music), trong hội họa (narrative in painting), hoặc ngay cả trong nhận thức.

Ở khía cạnh cuối cùng vừa nêu - tự sự trong nhận thức, tự sự được hiểu là một thao tác tổng thể hóa (totalization), qua đó, mọi thứ đều được sắp xếp vào một cấu trúc có quan hệ chặt chẽ với nhau, cái này là nguyên nhân hay kết quả / hệ quả của cái khác. Ý nghĩa ấy nằm ngay trong từ nguyên của chữ "narrative" : nó gắn liền với tính từ "gnarus" (biết). Có thể nói mọi nhận thức đều có tính tự sự. Chính vì vậy, từ giữa thế kỷ 20 đến nay, khái niệm tự sự trở thành trung tâm của rất nhiều ngành nghiên cứu, từ ký hiệu học đến văn hóa học, văn học - ở đó có hẳn một ngành được gọi là tự sự học, narratology, và gần đây, chính trị học. Nó cũng là khái niệm hạt nhân của một trào lưu triết học và văn nghệ : chủ nghĩa hậu hiện đại với những thuật ngữ quen thuộc như đại tự sự (grand/master narrative), tiểu tự sự (small narrative), siêu tự sự (metanarrative) và phản tự sự (antinarrative).

Mà thôi. Không nên đi quá xa vào các khía cạnh lý thuyết, tôi xin trở lại với những kinh nghiệm đời thường : Tất cả chúng ta đều sống trong, bằng và với các tự sự. Hằng ngày, chúng sử dụng tự sự trong lúc tán gẫu bằng cách kể hết chuyện này đến chuyện khác. Chúng ta phán đoán nhau cũng bằng tự sự qua cách nối kết sự kiện này với sự kiện kia để làm sáng tỏ tính cách của một ai đó. Chúng ta giáo dục nhau cũng bằng tự sự : thay vì chỉ nêu lên một câu châm ngôn, chúng ta nêu lên các câu chuyện làm minh chứng. Quan trọng hơn hết, bản sắc của chúng ta, với tư cách một cộng đồng, được hình thành chủ yếu cũng bằng tự sự. Tự xưng là người Việt, không ai trong chúng ta không nghĩ đến những câu chuyện như trăm trứng trăm con, những khái niệm như đồng bào hay quê cha đất tổ, những niềm tự hào như đánh Tàu, đánh Nguyên, đánh Pháp, v.v. Tất cả đều là những tự sự.

Bản sắc của từng cá nhân cũng được hình thành bằng tự sự thông qua các kinh nghiệm cũng như các hình ảnh mà chúng ta tự nghĩ về mình. Đạo đức công dân cũng được hình thành trên căn bản các tự sự : mỗi người tự cố gắng sống, làm việc và hành xử theo một hình mẫu cụ thể nào đó. Ví dụ, ở một số nước, đó là hình mẫu của một con người hiền ngang can đảm và bất khuất trước kẻ thù cũng như trước thiên tai ; ở một số nước khác, đó là hình mẫu của những con người lịch sự, nhã nhặn, đáng hoàng, biết tôn trọng người khác, v.v. Tất cả các cùng đều là tự sự.

Trong chính trị hiện đại, đặc biệt chính trị theo lối cách mạng với tham vọng thay đổi diện mạo của xã hội, thậm chí, của lịch sử, người

ta hay nói đến lý tưởng. Nhưng lý tưởng, chẳng hạn, lý tưởng độc lập, tự do, dân chủ, bình đẳng và thịnh vượng, chỉ là những khẩu hiệu trông rỗng, vô nghĩa và vô hồn, nếu chúng không gắn liền với các tự sự. Ví dụ, với dân chúng, cái gọi là thịnh vượng không có gì khác ngoài việc có tiền bạc rủng rỉnh trong túi để không những đáp ứng được những nhu cầu căn bản nhất (như ăn, uống, mặc, ở) mà còn đáp ứng cả những nhu cầu xa xỉ gắn liền với đời sống văn hóa (như điện đồ hiệu, đi du lịch, giải trí), v.v.

Một nhà lãnh đạo giỏi không phải là người biết theo đuổi những lý tưởng lớn mà, trước hết, phải là người biết xây dựng các tự sự để mọi người có thể hình dung rõ ràng là mình đang đến đâu, sẽ trở thành như thế nào, trong tương lai gần cũng như xa, từ đó, tin tưởng và phục tùng. Khả năng xây dựng tự sự, do đó, được xem là điều kiện căn bản của những người muốn lãnh đạo quần chúng. Người ta khen tổng thống John Kennedy, trước hết, là vì ông biết xây dựng một tự sự về mẫu người biết tự hỏi mình có thể làm gì cho đất nước thay vì chỉ chờ đợi những điều đất nước mang lại cho mình. Tổng thống Ronald Reagan thành công trong tự sự người Mỹ hào hùng có khả năng đánh gục mọi kẻ thù ngay trong các cuộc chiến tranh giữa các vì sao (star wars). George W. Bush thì xây dựng một tự sự về một nước Mỹ sẵn sàng đánh phủ đầu kẻ thù, những kẻ bị xem là quỷ dữ (axis of evil). Barack Obama thì xây dựng tự sự về mẫu người dám nghĩ và dám làm (Yes, we can). Ngược lại, cũng có rất nhiều nhà lãnh đạo bị phê phán dữ dội là, mặc dù thông minh và có tài, có lý tưởng và làm việc tận tâm, họ lại thiếu hẳn khả năng xây dựng các tự sự để lôi kéo quần chúng và để quần chúng biết rõ hướng đi của đất nước.

Ở Việt Nam, rõ ràng là thể hệ thứ nhất của đảng cộng sản, đặc biệt trong thời chống Pháp, từng chứng tỏ khả năng xây dựng tự sự tốt. Thời ấy, mọi người biết rõ mình phải làm gì và nhắm đến điều gì. Cái điều họ phải làm rất cụ thể : tranh đấu và sẵn sàng chấp nhận hy sinh. Để cụ thể hóa nguyên tắc này, người ta không ngần ngại bịa ra nhiều chuyện để tuyên truyền. Câu chuyện Lê Văn Tám là một ví dụ. Nhưng dù bịa hay thật thì điều đó cũng chứng tỏ giới lãnh đạo biết cách tận dụng yếu tố tự sự trong cách vận động quần chúng. Còn cái điều nhắm tới thì cũng rất rõ : độc lập và tự do. Khái niệm độc lập và tự do thời ấy cũng rất cụ thể : đánh đuổi được thực dân Pháp.

Có điều, đó là những chuyện trong quá khứ.

Hiện nay, tự sự chính trị chỉ được nghe thấy, vô cùng họa hoằn, chủ yếu ở cấp địa phương, đặc biệt tại Đà Nẵng và Hội An, nơi những người lãnh đạo thường nói và thể hiện một tự sự cụ thể và rõ ràng : Họ muốn thành phố nằm dưới quyền của họ sẽ phát triển như thế nào, với những đặc điểm và một tương lai như thế nào. Không phải ai cũng chia sẻ với những tự sự ấy của họ. Nhưng ít nhất người ta cũng biết cái hướng đi của thành phố cũng như cái tương tượng tập thể (collective imagination) mà giới lãnh đạo muốn xây dựng. Về tương lai.

Còn ở cấp quốc gia ư ?

Tuyệt đối không có. Không ai vẽ ra một bức tranh cụ thể về hướng đi và tương lai của đất nước cả. Không ai trả lời được những câu hỏi bức thiết và bức xúc nhất của người dân. Chúng ta sẽ làm gì và sẽ như thế nào trước tên bạn láng giềng càng ngày càng giàu mạnh và càng ngày càng hung hãn ? Chúng ta sẽ làm gì và sẽ như thế nào trước xu thế toàn cầu hóa của nhân loại ? Chúng ta sẽ làm gì và sẽ như thế nào trước các làn sóng dân chủ trên thế giới cũng như trước những khát vọng tự nhiên về sự tự do, công bằng và công chính ?

Không. Tuyệt đối không ai trả lời các câu hỏi ấy cả.

Thiếu tự sự, chúng ta cũng thiếu hẳn định hướng. Chúng ta hay nói : Việt Nam là đất nước đang phát triển. Tuy nhiên, có một điều chúng ta hoàn toàn không biết : Việt Nam đang phát triển về hướng nào và sẽ đi đến đâu ?

Chỉ mong đó không phải là một cái vực.

Nguyễn Hưng Quốc
Blog © VOA

Thời sự Việt Nam

Việt Nam gấp rút đào tạo thủy thủ tàu ngầm

Chuyên thăm học viên tàu ngầm trước khi đi du học của Bộ trưởng quốc phòng, đại tướng Phùng Quang Thanh, cho thấy nỗ lực của Việt Nam nhằm huấn luyện lực lượng mới này.

Báo *Quân Đội Nhân Dân* cho hay ông Thanh đã "đền thăm, động viên các sĩ quan, thủy thủ lực lượng tàu ngầm đi đào tạo nước ngoài, tại Trung tâm huấn luyện 125 (Học viện Kỹ thuật quân sự)" vào chiều thứ Hai 16-4. Tuy không nói rõ địa điểm các học viên sẽ du học, nhưng bài báo nói 100% học viên đạt yêu cầu môn học tiếng Nga.

Một trang mạng nhiều người truy cập ở Trung Quốc cho biết nhóm học viên Việt Nam đang học vận hành tàu ngầm Học viên Hải quân Nga, có lẽ ở thành phố St Petersburg.

Cũng nên biết, Việt Nam đặt mua sáu tàu ngầm hạng Kilo từ Nga, giao hàng loạt đầu vào năm 2014, việc quân đội Việt Nam tăng cường đào tạo lực lượng vận hành tàu ngầm cũng là điều dễ hiểu.

Lực lượng tàu ngầm được chọn lọc với các đòi hỏi cao và chính sách đãi ngộ cũng hơn hẳn các binh chủng thường. Chính quyền cộng sản Việt Nam gần đây đã ban hành chế độ chính sách cho lực lượng đặc biệt này với nhiều ưu đãi về lương, phụ cấp, nhà ở, tuổi phục vụ. Mức lương mới cho sĩ quan tàu ngầm được nói là 35 triệu đồng/tháng đối với mức trung úy và 55 triệu đồng đối với mức đại tá, theo báo Việt Nam. Chính quyền TP. Hồ Chí Minh nhân dịp này cũng tặng 500 triệu đồng cho lực lượng tàu ngầm đi đào tạo ở nước ngoài.

Ông Phùng Quang Thanh căn dặn các học viên: "Ngay từ lúc ban đầu phải xác định tốt quyết tâm, phải tận dụng mọi thuận lợi để học tập, nắm chắc cấu tạo, tính năng, tác dụng... làm chủ vũ khí, trang bị, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ được giao".

Ông Thanh nói rằng tàu ngầm là "một trong nhiều nội dung của chủ trương hiện đại hóa quân đội" của Việt Nam. Ông khẳng định quân đội Việt Nam chỉ sử dụng loại vũ khí đặc biệt này "vào mục đích bảo vệ Tổ quốc", tức tự vệ.

Không rõ con số học viên tàu ngầm sẽ đi du học lần này là bao nhiêu. Hiện Việt Nam mới chỉ có một đơn vị tàu ngầm là đoàn M96 hải quân ra đời 14 năm trước và hiện đóng ở Cam Ranh. Mãi tới năm 1997 Việt Nam mới bắt đầu tiếp nhận chiếc tàu ngầm đầu tiên từ một "nước bạn".

Giới quan sát quân sự cho rằng tới nay Việt Nam cũng mới có một cơ sở tàu ngầm loại mini mà Bắc Hàn cung cấp. Tuy nhiên trong chuyên thăm Nga tháng 12-2009, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký hợp đồng mua sáu tàu ngầm hạng Kilo, với giá trị gần 2 tỷ đôla. Ngoài tàu ngầm và khóa huấn luyện cho thủy thủ đoàn, hợp đồng còn bao gồm việc xây mới cơ sở trên bờ để phục vụ tàu.

Nhà máy đóng tàu Admiralteiskiye Verfi tại St Petersburg sẽ thực hiện hợp đồng, với mục tiêu mỗi năm giao hàng cho Việt Nam một chiếc.

Tàu ngầm hạng Kilo, dùng cả dầu diesel và điện năng, được cho là loại tàu ngầm ít tiếng ồn nhất thế giới. Tàu ngầm dạng này có thể dùng để chống tàu ngầm, cũng như tàu chiến thông thường, kể cả trong vùng biển tương đối nông. Tàu loại Kilo trang bị hệ thống hỏa tiễn Club-S rất hiện đại. Được biết hiện Trung Quốc có 12 tàu dạng này.

Linh mục Công giáo bị hành hung dã man

Tiếp theo sau việc linh mục Nguyễn Quang Hoa ở Kon Tum bị truy đánh trọng thương vào tháng 2-2012 vừa qua, đến lượt linh mục Nguyễn Văn Bình ở Hà Nội bị đánh đến ngất xỉu vào thứ bảy tuần trước (14-04).

Tại Việt Nam, linh mục Công giáo tiếp tục là nạn nhân của các vụ hành hung dã man. Theo thông báo của Tòa Tổng Giám mục Hà Nội, công bố ngày 15-04 vừa qua, linh mục Giuse Nguyễn Văn Bình, chính xứ Yên Kiện, đã mua một mảnh đất 500m² ở huyện Chương Mỹ, Hà Nội và xây một nhà để nuôi trẻ mồ côi tại đây.



Vào lúc 9g00 sáng ngày 14-4-2012, sau khi nhận được tin ngôi nhà nói trên bị dỡ bỏ lúc rạng sáng, linh mục Bình liền đến nơi và bất ngờ bị một nhóm côn đồ hành hung đến ngất xỉu. Hậu quả là linh mục Bình bị rách màng nhĩ, đọng máu bên trong tai, sưng mặt, đau nhức ở đầu và vùng bụng, sức khỏe suy yếu.

Linh mục Bình đã được đưa đi cấp cứu và khám tại các bệnh viện chuyên khoa ở Hà Nội và đang được chăm sóc tại Tòa Tổng giám mục Hà Nội, tình trạng sức khỏe đã khá hơn.

Không chỉ hành hung linh mục Nguyễn Văn Bình, nhóm thanh niên côn đồ còn hành hung và dọa nạt những người trong nhà từ thiện, trong đó có cô Maria Hà Thị Tuyền, một giáo dục viên chăm sóc trẻ mồ côi.

Trong bản tường trình được đăng trên trang mạng Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam, cô Tuyền cho biết là từ một tháng nay, những người trong nhà nuôi trẻ mồ côi sống trong sợ hãi về tính mạng vì bị dọa giết. Sau đó nhà bị cúp điện và hàng đêm họ bị kiểm tra hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, khiến trẻ nhỏ cũng sống không yên.

Theo lời kể của cô Tuyền, trước khi đánh cha Bình ngất xỉu vào buổi sáng, đêm hôm đó, khoảng 30 thanh niên đã xông vào nhà từ thiện đập phá mọi thứ, giật cả ảnh Chúa Giêsu và mang đi tượng Đức Mẹ. Nhóm thanh niên này đánh đập dã man một số giáo dục viên, trong đó có cô Tuyền, trước sự chứng kiến của công an và chính quyền địa phương.

Trong bản thông cáo, Tòa Tổng giám mục Hà Nội lên án vụ đánh người dã man vô cớ của nhóm côn đồ trên là hành vi phạm pháp, xúc phạm thô bạo đến phẩm giá con người và không thể được chấp nhận. Vụ này đã khiến cho linh mục và giáo dân rất bức xúc, gây hoang mang bất ổn định trong các cộng đồng giáo dân tại huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Tổng giám mục Hà Nội Phêrô Nguyễn Văn Nhơn đề nghị công an huyện Chương Mỹ điều tra vụ việc này, để không tái diễn những hành động đánh người vô cớ như đối với linh mục Nguyễn Văn Bình.

Vụ hành hung dã man linh mục Nguyễn Văn Bình xảy ra trong khi âm vang của một vụ hành hung khác vẫn chưa dứt, đó là vụ truy đánh trọng thương ông Nguyễn Quang Hoa, linh mục phó giáo xứ Kon Hring, ở Kon Tum.

Trong bản tường trình gửi tổng giám mục Hoàng Đức Oanh, linh mục Nguyễn Quang Hoa cho biết là ngày 23-02-2012, sau khi làm lễ an táng cho một giáo dân tại làng Turia Yốp (xã Đăk Hring, Huyện Đăk Hà, trên đường trở về giáo xứ, linh mục Hoa đã bị ba thanh niên chạy xe mô tô đuổi theo đánh. Khi linh mục Hoa dừng xe lại và thậm chí đã ngã xuống đường, hai trong số ba thanh niên nói trên tiếp tục dùng thanh sắt đánh túi bụi vào người ông. Khi linh mục Nguyễn Quang Hoa bỏ chạy vào rừng cao su, hai thanh niên kia còn đuổi theo đánh khoảng 200 mét. Trước khi bỏ đi, chúng còn đập phá xe của linh mục Hoa.

Hậu quả của trận đòn tàn nhẫn này là linh mục Hoa bị nhiều vết rách, vết bầm tím tụ máu ở khắp người và nặng nhất là bị dập phổi bên phải. Không chỉ hành hung linh mục Nguyễn Quang Hoa, chính quyền địa phương huyện còn Đăk Hà còn không cho tổ chức lễ Phục Sinh tại làng Turia Yốp, xã Đăk Hring, với lý do là "tình hình trật tự an ninh không được đảm bảo".

Quá bất bình trước quyết định này, giám mục Kon Tum, Hoàng Đức Oanh đã gửi một văn thư ngày 04/04 cho các cấp lãnh đạo cao nhất của Việt Nam để đòi thực hiện quyền tự do tôn giáo cho hàng ngàn giáo dân ở Turia Yốp. Nhưng cho tới nay, thư của giám mục Oanh vẫn chưa được phúc đáp./.

Phần nộ

Hắn là một giáo sư tiền sĩ nổi tiếng là giỏi và đứng đắn. Vợ hắn kinh doanh nhà đất rất thành công. Mỗi lần rảnh rỗi hắn đều đến thăm tôi, một thằng bạn cũ tầm thường. Chúng tôi là bạn thân hồi trung học. Hắn giàu sang nhưng không đối bạn ; đó là điều phân biệt hắn với những người thành đạt khác. Nhưng từ hơn một năm nay, sau đại hội đảng 11, hắn tỏ ra bất mãn, từ chức viện phó và phát biểu ngoài luồng. Lý do bất mãn của hắn khá hiển nhiên, hắn hụt vào Trung Ương Đảng. Đây là lần thứ hai hắn hụt vào trung ương đảng, và cũng là lần cuối bởi vì tới năm 2016 hắn đã ngoài 60 và quá hạn tuổi để ứng cử. Hơn nữa, theo hắn, tới lúc đó đảng cũng chưa chắc vẫn còn. Hắn là một nhân vật xuất chúng và sự xuất chúng này thể hiện ngay trong cách bất mãn của hắn. Hắn có cả một lý thuyết về sự phần nộ.

Hắn nói :

- Phần nộ là động cơ của thay đổi và tiến bộ. Có phần nộ mới có đủ quyết tâm phấn đấu. Còn nếu cứ bất mãn chung chung thì vẫn tiếp tục lèm bèm. Lê Lợi khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh đâu phải chỉ vì bất mãn mà vì phần nộ đến cùng độ. Mà còn nhớ Bình Ngô Đại Cáo không ? *"Ngẫm non sông quên nỗi thù, thù sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc chốc là mười mấy nắng mưa, ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận."* Ngôn ngữ dân gian gọi là giận điên lên. Nếu chỉ bất mãn vì quân Minh cho mình làm tri huyện thay vì tri phủ thì cũng chẳng làm nên cơn cháo gì. Mùa xuân dân chủ Ả Rập sở dĩ có được là vì người Ả Rập phần nộ vùng dậy thù sống chết cùng bọn độc tài. Việt Nam không có thay đổi vì người Việt Nam không phần nộ.

Như thường lệ trong mọi đối thoại giữa chúng tôi, hắn nói tôi nghe và thỉnh thoảng nói leo như để chứng minh rằng tôi vẫn nghe và hắn có thể tiếp tục nói :

- Đúng vậy, người Việt Nam không bất mãn, một cuộc thăm do dư luận cho thấy người Việt lạc quan nhất thế giới.

Hắn xua tay :

- Mà chẳng biết gì cả. Người Việt Nam là vua nói dối. Nói vậy chứ không phải vậy đâu. Quần chúng Việt Nam tức tối lắm, căm thù lắm, muốn "phanh thầy uống máu quân thù" lắm. Mà thử nghĩ lại xem, trong đợt Cải Cách Ruộng Đất ngày xưa, nhân dân ta gào thét mắng chửi, đánh đập dã man - *"đưa thầy chết thôi"* theo lời kêu gọi của Xuân Diệu - cả những địa chủ mà họ chỉ biết là thuộc thành phần địa chủ chứ không hề quen biết. Mỗi người Việt Nam là một núi lửa căm thù dồn nén. Tao bảo đảm với mày là bây giờ mà có một cuộc cách mạng sẽ có một biển máu nếu chính quyền mới không cảnh giác. Người Việt Nam không lạc quan hân hoan, họ bi quan và tức tối. Họ không phần nộ chỉ vì trí thức Việt Nam không phần nộ.

Tôi đang định chất vấn hắn, lần này không phải nói leo mà chất vấn hẳn hoi. Hắn chặn lại :

- Im mồm ! Tao biết mày định nói gì rồi. Mày muốn nói tại sao tao nói người Việt Nam không phần nộ rồi lại nói họ tức tối căm thù, mày muốn nói là tao mâu thuẫn chứ gì. Mày phải hiểu là thù ghét không đồng nghĩa với phần nộ. Muốn phần nộ phải có chính nghĩa. Mày có thể ghen tức với những thằng có bằng cấp và địa vị cao như tao, nhưng cho ăn kẹo mày cũng không thể phần nộ vì đó chỉ là lẽ phải, tao học và làm giáo sư tiền sĩ còn mày không học thì có được quán cà phê cũng là phúc đức lắm rồi.

- Không đúng ! Tôi là lên. Có những thằng còn ít học hơn tao mà làm đại tướng, bộ trưởng, kể cả thủ tướng !

MỤC LỤC

1. Sự nhầm nhứ nào lớn hơn ?

Thông Luận

2. Trước một hiểm họa quá lớn

Nguyễn Gia Kiểng

5. Nghĩ về hòa giải và hòa hợp dân tộc

Việt Hoàng

7. Hội chứng 30 tháng 4 - Phân tâm một cuộc thất bại

Nguyễn Văn Huy

10. Hiểm họa của nhà máy điện hạt nhân

Nguyễn Gia Thường

12. Người Việt ở Đông Âu, kiểu hối và sứ quán

Nguyễn Văn

13. Ý thức về chủ quyền và tự sự về chính trị

Lê Mạnh Hùng

15. Thời sự : thủy thủ tàu ngầm và hành hung các linh mục

Thông Luận

16. Phần nộ

Đầy

- Im ! Đừng nói leo ! Mày đéo hiểu gì cả. Câm mồm để tao giảng cho nghe. Người ta uất ức căm thù khi quyền lợi bị đụng chạm nhưng người ta chỉ có thể phần nộ khi lẽ phải bị chà đạp. Như vậy phải biết lẽ phải là gì mới có thể phần nộ, và cũng chỉ dám phần nộ nếu thấy có thể mạnh, hoặc có dái. Chưa có "mùa xuân Việt Nam" vì dân chúng Việt Nam chưa phần nộ, và dân chúng Việt Nam chưa phần nộ chừng nào trí thức Việt Nam chưa phần nộ.

Đến đây thì tôi thực sự ngu ngơ không còn biết nói gì. Hắn giảng giải :

- Lịch sử Việt Nam có cái độc đáo là những cuộc cách mạng đều do đám nông dân chứ không do trí thức. Nhưng thời đại của những anh hùng áo vải qua rồi. Cách mạng thời nay phải do trí thức lãnh đạo. Khổ một nỗi là trí thức Việt Nam không phần nộ nên dè dặt làm được gì. Có phần nộ mới đấu tranh, mới quyết tâm, mới "thù sống chết cùng quân nghịch tặc", rồi mới thấy công việc là khó, mới "sách lược thao suy xét thật tình", mới nhấn nhé tìm đến với nhau xây dựng lực lượng. Nhưng bọn trí thức Việt Nam không phần nộ. Vì chúng nó không biết phần nộ chứ không phải vì không có lý do để phần nộ.

Hắn im lặng một lúc như vì xúc động rồi nói tiếp :

- Đáng lẽ phải phần nộ. Đảng cầm quyền gần bốn mươi năm chỉ khiến Việt Nam nghèo gấp mười lần mức trung bình thế giới. Mất đất thì nói không biết cột mốc biên giới bị dời vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam lúc nào. Nó giết ngư dân mình thì không dám nói là tàu Trung Quốc mà chỉ nói là "tàu lạ". Tổ cha nó, "tàu lạ" là cái đéo gì ? Thế mà vẫn đòi lãnh đạo độc quyền, tuyệt đối, vô hạn định. Đáng phần nộ lắm chứ. Nhưng những thằng trí thức Việt Nam vẫn không phần nộ. Chúng nó không dám phần nộ. Muốn phần nộ phải có tư cách. Bọn trí thức Việt Nam có bản chất tay sai, càng danh phận cao bao nhiêu càng vô tư cách bấy nhiêu. Mao nói đúng, trí thức Việt Nam và Trung Quốc không bằng cục phân.

Hắn nói hăng đến nỗi tôi không dám hỏi tại sao chính hắn không phần nộ, ít nhất với chính mình, vì chính hắn cũng là một trí thức lớn. Tôi nghĩ có lẽ phải đợi một thời gian. Nhưng rồi mãi vẫn chưa thấy hắn phần nộ. Hỏi ra mới biết vì vợ hắn chưa cho phép.